

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
TRACODI
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY



TRACODI

Số: 46/2025/CBTT-TCĐ
No.: 46/2025/CBTT-TCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Security Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Xây dựng Tập đoàn Tracodi/ *Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: TCD

- Địa chỉ/*Address*: 89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM/ *89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: (84 28) 38330314 - 38330315 - 38330316 Fax: (84 28) 8330317

- E-mail: lr@tracodi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi công bố thông tin Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2025/*Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company announces the 6-month Governance Report for 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2025 tại đường dẫn <https://www.tracodi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025/> *This information was published on the company's website on 29/07/2025 (date), as in the link https://www.tracodi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công
bố/ *Documents on disclosed information.*

Báo cáo Quản trị công ty số 03/2025/BCQT-
TCD ngày 29/07/2025

Corporate Governance Report No.

03/2025/BCQT-TCD dated July 29, 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ *dy*
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHIEF EXECUTIVE OFFICER



LÊ HUỲNH THƯƠNG MINH

LE HUYNH THUONG MINH



TRACODI

Số: 03/2025/BCQT-TCD

No.: 03/2025/BCQT-TCD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025
HCMC, July 29, 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
6 tháng đầu năm 2025
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
the first half of 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
To: - The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Tên công ty niêm yết: CTCP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI
- Name of Company: TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: 89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh
- Address: 89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, HCMC;
- Điện thoại/ Tel: (84 28) 38330314 - 38330315 - 38330316
- Fax: (84 28) 38330317 Email: ir@tracodi.com.vn
- Vốn điều lệ: 3.358.206.410.000 VND (Ba nghìn ba trăm năm mươi tám tỷ hai trăm lẻ sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng).
- Charter capital: 3,358,206,410,000 VND (Three trillion three hundred fifty-eight billion two hundred six million four hundred ten thousand Vietnamese Dong).
- Mã chứng khoán/ Stock symbol: TCD
- Mô hình quản trị công ty/ Governance mode
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.
 - + General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
- The implementation of internal audit: Implemented

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

I. Activities of the General Meeting of Shareholders:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):
không có

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments): none

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)

II. Board of Directors (Aannual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT Board of Directors' members	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2022) April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting of Shareholders)	
2	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairwoman	12/04/2023 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2023) April 12, 2023 (approved at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders)	Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền vắng mặt theo quy định tại Khoản 1, Điều 155, Khoản 1, Điều 160 và Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 Ms. Huynh Thi Kim Tuyen was absent as prescribed by the regulations of Clause 1 Article 155 and Clause 1 Article 160 and Clause 2 Article 17 of the Law on Enterprises 2020
3	Nguyễn Văn Bắc	Thành viên HĐQT Member of BOD	12/04/2023 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2023) April 12, 2023 (approved at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders)	
4	Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT Member of BOD	12/04/2023 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2023)	Tiếp nhận Đơn từ nhiệm TV HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027

			April 12, 2023 (approved at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders)	của ông Lê Thanh Tùng kể từ ngày 19/03/2025. Resignation letter of Mr. Le Thanh Tung as a member of the Board of Directors for the 2022-2025 term from March 19, 2025
5	Trần Nguyên Huân	Thành viên HĐQT Member of BOD	12/11/2024 (thông qua ĐHĐCĐ LYKCD bằng văn bản 2024) November 12, 2024 (approved through collecting shareholder's written opinions in October 2024)	Tiếp nhận Đơn từ nhiệm TV HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 của ông Trần Nguyên Huân kể từ ngày 19/03/2025. Resignation letter of Mr. Tran Nguyen Huan as a member of the Board of Directors for the 2022-2025 term from March 19, 2025.
6	Đỗ Ngọc An	Thành viên HĐQT Member of BOD	12/11/2024 (thông qua ĐHĐCĐ LYKCD bằng văn bản 2024) November 12, 2024 (approved through collecting shareholder's written opinions in October 2024)	
7	Tomas Sven Jaehnig	Thành viên HĐQT độc lập Independent Member	14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2022) April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting of Shareholders)	
8	Dương Anh Văn	Thành viên HĐQT độc lập Independent Member	12/04/2023 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2023) April 12, 2023 (approved at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders)	
9	Bùi Quang Nam	Thành viên HĐQT độc lập Independent Member	17/04/2024 (thông qua ĐHĐCĐ Thường niên năm 2024) April 17, 2024 (approved at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders)	Tiếp nhận Đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 của ông Bùi Quang Nam kể từ ngày 15/01/2025. Resignation letter of Mr. Bui Quang Nam as a member of the Board of Directors for the 2022-2025 term from January 15, 2025

2. Các cuộc họp của HĐQT

2. Meetings of the Board of Directors:

Stt No	Thành viên HĐQT <i>Board of Director's member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Nguyễn Thanh Hùng	12/12	100%	
2	Huỳnh Thị Kim Tuyền	3/12	25%	Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền vắng mặt theo quy định tại Khoản 1, Điều 155; Khoản 2, Điều 17 và Khoản 1 Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2020 <i>Ms. Huynh Thi Kim Tuyen was absent as prescribed in Clause 1, Article 155, Clause 2, Article 17 and Clause 1, Article 160 of the Law on Enterprises 2020</i>
3	Nguyễn Văn Bắc	12/12	100%	
4	Lê Thanh Tùng	6/12	50%	Có Đơn từ nhiệm kể từ ngày 19/03/2025. Theo đó, thành viên HĐQT này không tham gia họp. <i>Resignation letter from 19/03/2025. According to that, this member of BOD shall not participate in the meeting.</i>
5	Tomas Sven Jaehnig	12/12	100%	
6	Dương Anh Văn	12/12	100%	
7	Bùi Quang Nam	1/12	8,33%	Có Đơn từ nhiệm kể từ ngày 15/01/2025. Theo đó, thành viên HĐQT này không tham gia họp. <i>Resignation letter from 15/01/2025. According to that, this member of BOD shall not participate in the meeting</i>
8	Trần Nguyên Huân	5/12	41,67%	Có Đơn từ nhiệm kể từ ngày 19/03/2025. Theo đó, thành viên HĐQT này không tham gia họp. <i>Resignation letter from 19/03/2025. According to that, this member of BOD shall not participate in the meeting.</i>
9	Đỗ Ngọc An	12/12	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, công việc điều hành quản lý của Ban Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu như sau:

The Board of Directors regularly monitors and oversees the operational and management activities of the Executive Board, in coordination with the Supervisory Board, to check the following key issues:

- Việc chấp hành Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị;
- *Compliance with the Resolutions and Decisions of the Board of Directors;*
- Tiến độ thực hiện kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- *Progress of the plan approved by the General Meeting of Shareholders;*
- Giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất, đảm bảo việc phản hồi và có các kiến nghị kịp thời, đúng định hướng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và quy định của ngành;
- *Monitoring the activities of the Board of General Directors through regular and ad-hoc reports, ensuring timely feedback and recommendations that are aligned with the direction and ensure compliance with legal regulations and industry standards;*
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa HĐQT và Ban Giám đốc để thảo luận về kết quả hoạt động, chiến lược phát triển, và các vấn đề cần giải quyết;
- *Organizing regular meetings between the Board of Directors and the Board of General Directors to discuss business results, development strategies, and any issues that need to be addressed;*
- Giám sát các quyết định tài chính và đầu tư của Ban Giám đốc, đảm bảo các quyết định này phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của công ty.
- *Monitoring the financial and investment decisions of the Board of General Directors, ensuring that these decisions are in line with the company's long-term strategy and objectives;*
- Tình hình tuân thủ và quản lý rủi ro trong hoạt động.
- *The situation regarding compliance and risk management in operations.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

4. Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/D ecision No.</i>	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/ <i>Appro val rate</i>	Nghĩa vụ CBTT/ <i>Disclosure Obligations</i>
------------	--	-----------	------------------	---	---

1	01/2025/NQ-HĐQT-TCD	15/01/2025	Tiếp nhận Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Receipt of the resignation letter of the Board of Directors member and Reappointment of Chief accountant of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT ngày 15/01/2025 <i>Disclosed on January 15, 2025</i>
2	02/2025/QĐ-HĐQT-TCD	15/01/2025	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Reappointment of Chief Accountant of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 01/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
3	03/2025/NQ-HĐQT-TCD	23/01/2025	Thông qua các giao dịch liên quan dự kiến năm 2025 <i>Approval of related-party transactions expected in 2025</i>	100%	CBTT ngày 23/01/2025 <i>Disclosed on January 23, 2025</i>
4	04/2025/NQ-HĐQT-TCD	24/01/2025	Thông qua phương án thanh lý tài sản cố định <i>Approving the liquidation of fixed asset</i>	100%	CBTT ngày 24/01/2025 <i>Disclosed on January 24, 2025</i>
5	05/2025/QĐ-HĐQT-TCD	24/01/2025	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội <i>Appointment of Branch Director of Tracodi Construction Holdings JSC. at Ha Noi</i>	100%	CBTT ngày 24/01/2025 <i>Disclosed on January 24, 2025</i>
6	05.2/2025/NQ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) và thông qua giao dịch liên quan <i>Credit granting from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank) and approval of related transactions</i>	100%	CBTT ngày 18/03/2025 <i>Disclosed on March 18, 2025</i>
7	06/2025/NQ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tiếp nhận Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, tổ chức lại nhân sự Ban Điều hành, thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp và thanh lý tài sản cố định CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Approving the extension of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, receipt of the resignation of the Board of Directors member, reorganize the Board of Management, change the Authorized Representative the capital contribution, and liquidate fixed assets of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT ngày 18/03/2025 <i>Disclosed on March 18, 2025</i>

8	07/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thôi nhiệm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Chief Executive Officer cum Legal Representative of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
9	08/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Appointment of Chief Executive Officer cum Legal Representative of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
10	09/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>The change of Legal Representative of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
11	10/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thôi nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty tại CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Person in charge of Corporate Governance cum Company Secretary of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
12	11/2025/NQ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Triển khai thanh lý tài sản cố định và giao quyền, ủy quyền cho Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm phụ trách Ban điều hành của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>The implementation of the liquidation of fixed assets and the authorization for Member of the BODs to be responsible for the Company's Board of Management of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Not described in the Circular No. 96/2020/TT-BTC</i>
13	12/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Triển khai và thành lập Hội đồng thanh lý tài sản cố định <i>Implementation and establishment of the Fixed Asset Liquidation Council</i>	100%	Không thuộc nội dung CBTT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Not described in the Circular No. 96/2020/TT-BTC</i>
14	13/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Điều hành CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Deputy Chief Executive Officer of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>

15	14/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xây dựng CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Deputy Chief Executive Officer in charge of Construction of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
16	17/2025/QĐ-HĐQT-TCD	18/03/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Bắc CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Appointment of Deputy Chief Executive Officer in charge of the North of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 06/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
17	18/2025/QĐ-HĐQT-TCD	28/03/2025	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Tracodi tại Công ty TNHH Tracodi E&C <i>Change of representative managing the contributed capital of Tracodi at Tracodi E&C Company Limited</i>	100%	CBTT ngày 28/03/2025 <i>Disclosed on March 28, 2025</i>
18	19/2025/QĐ-HĐQT-TCD	01/04/2025	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của Tracodi tại CTCP TCD Plus <i>Change of representative managing the contributed capital of Tracodi at TCD Plus JSC.</i>	100%	CBTT ngày 02/04/2025 <i>Disclosed on April 2, 2025</i>
19	21/2025/NQ-HĐQT-TCD	10/04/2025	Thông qua chủ trương tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025, tiếp nhận Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, thay đổi Kế toán trưởng và thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Approving the policy of holding the EGM of Shareholders in 2025, receipt of the resignation of member of the Supervisory Board, change of Chief Accountant and change the Authorized Representative the capital contribution of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT ngày 10/04/2025 <i>Disclosed on April 10, 2025</i>
20	22/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/04/2025	Thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Chief Accountant of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 21/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 21/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
21	23/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/04/2025	Bổ nhiệm Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Appointment of Chief Accountant of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 21/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 21/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>

22	24/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/04/2025	Thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang <i>Change of representative managing the contributed capital of of Tracodi Construction Holdings JSC. at An Giang Building Material Exploiting and Processing Co., Ltd.</i>	100%	CBTT tại NQ số 21/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 21/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
23	27/2025/NQ-HĐQT-TCD	19/05/2025	Thông qua việc tiếp nhận Đơn từ nhiệm TVHĐQT và triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2025 <i>Approving the receipt of the resignation of the Board of Directors member and Implementation of collecting shareholders' opinions in writing in June 2026</i>	100%	CBTT ngày 19/05/2025 <i>Disclosed on May 19, 2025</i>
24	29/2025/NQ-HĐQT-TCD	19/05/2025	Thoái toàn bộ vốn góp của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại CTCP Đầu tư Phát triển Sơn Long và mua lại trái phiếu TCDH2227002 trước hạn <i>Equity divestment of Tracodi Construction Holdings JSC. from Son Long Investment and Development JSC. and the early repurchase of TCDH2227002 bonds</i>	100%	CBTT ngày 19/05/2025 <i>Disclosed on May 19, 2025</i>
25	30/2025/NQ-HĐQT-TCD	19/05/2025	Điều chỉnh Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 19/05/2025 v/v Thoái toàn bộ vốn góp của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại CTCP Đầu tư Phát triển Sơn Long và mua lại trái phiếu TCDH2227002 trước hạn <i>Adjustment of Resolution No. 29/2025/NQ-HĐQT-TCD dated May 19, 2025 regarding equity divestment of Tracodi Construction Holdings JSC. from Son Long Investment and Development JSC. and the early repurchase of TCDH2227002 bonds</i>	100%	CBTT ngày 20/05/2025 <i>Disclosed on May 20, 2025</i>
26	31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Thông qua việc thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Bắc CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi và thay đổi Người đứng đầu Chi nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội <i>Approving the resignation from the position of Deputy Chief Executive Officer in charge of the</i>	100%	CBTT ngày 10/06/2025 <i>Disclosed on June 6, 2025</i>

			<i>North of Tracodi Construction Holdings JSC. and the change of Head of Tracodi Construction Holdings JSC. Branch in Ha Noi</i>		
27	31.2/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Bắc CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Resignation from the position of Deputy Chief Executive Officer in charge of the North of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
28	31.3/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Thôi nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội <i>Resignation from the position of Director of Tracodi Construction Holdings JSC. Branch in Ha Noi</i>	100%	CBTT tại NQ số 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
29	31.4/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội <i>Appointment of Director of Tracodi Construction Holdings JSC. Branch in Ha Noi</i>	100%	CBTT tại NQ số 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
30	31.5/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Thay đổi Người đứng đầu Chi nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội <i>Change of Head of Tracodi Construction Holdings JSC. Branch in Hanoi</i>	100%	CBTT tại NQ số 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 31.1/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
31	32/2025/NQ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Thông qua nội dung, tài liệu, danh sách ứng viên và danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 06/2025 và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty <i>Approving the content, documents, list of candidates and list of shareholders for collecting shareholders' written opinions in June 2025 and appointment of Person in charge of Corporate Governance</i>	100%	CBTT ngày 10/06/2025 <i>Disclosed on June 10, 2025</i>
32	33/2025/QĐ-HĐQT-TCD	10/06/2025	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi <i>Appointment of Person in charge of Corporate Governance of Tracodi Construction Holdings JSC.</i>	100%	CBTT tại NQ số 32/2025/NQ-HĐQT-TCD <i>Disclosed in Resolution No. 32/2025/NQ-HĐQT-TCD</i>
33	34/2025/QĐ-HĐQT-TCD	25/06/2025	Thay đổi Người được uỷ quyền đại diện quản lý phần vốn góp của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại Công ty Taxi Việt Nam <i>Change of Authorized Representative managing the</i>	100%	CBTT ngày 25/06/2025 <i>Disclosed on June 25, 2025</i>

		contributed capital of Tracodi Construction Holdings JSC. at Vietnam Taxi Co., Ltd.	
--	--	---	--

III. Ban kiểm soát/ Board of Supervisors

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

1. Information about members of Board of Supervisors:

STT No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Nguyễn Viết Cương	Trưởng ban Head	Tái bổ nhiệm ngày 14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2022) Reappointment on April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting).	Cử nhân Kinh tế/ Cử nhân Luật/ Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA VN) Chứng chỉ đào tạo Luật sư Việt Nam Bachelor of Economics Bachelor of Law Certified Public Accountant (CPA Vietnam) Vietnamese Lawyer Training Certificate
2	Nguyễn Đăng Hải (*)	Thành viên Member	Tái bổ nhiệm ngày 14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2022) Reappointment on April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting).	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economics
3	Huỳnh Thị Thảo (**)	Thành viên Member	Bổ nhiệm ngày 14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2022) Reappointment on April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting).	Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA VN) Cử nhân Kế toán Kiểm toán Cử nhân Luật Kinh tế Certified Public Accountant (CPA Vietnam) Bachelor of Accounting and Auditing Bachelor of Economic Law

(*): Ông Nguyễn Đăng Hải đã nộp đơn từ nhiệm ngày 08/04/2025/ Mr. Nguyen Dang Hai submitted his resignation on April 8, 2025

(**): Bà Huỳnh Thị Thảo đã nộp đơn từ nhiệm ngày 24/03/2025/ Ms. Huynh Thi Thao submitted her resignation on March 24, 2025

2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Nguyễn Viết Cương	1/1	100%	100%	
2	Nguyễn Đăng Hải	1/1	100%	100%	
3	Huỳnh Thị Thảo	1/1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

Trong sáu tháng đầu năm 2025, BKS đã tổ chức cuộc họp triển khai kế hoạch năm 2025, phân công nhiệm vụ thực hiện giám sát các phòng ban, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Cụ thể như sau:

In the first six months of 2025, the Supervisory Board (SB) convened to implement the 2025 operational plan and assigned oversight responsibilities for monitoring departments, tracking the execution of business plans across the Corporation and its subsidiaries. Key activities include:

- Chuẩn bị Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- *Preparing the 2024 Supervisory Board Activity Report and 2025 Work Plan; drafting a proposal for selecting an independent audit firm to audit the 2025 financial statements.*
- Giám sát, kiểm tra tính trung thực, khách quan số liệu báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính quý/bán niên trong năm 2025 theo quy định nhưng hiện tại Ban điều hành vẫn chưa thể thực hiện việc phát hành báo cáo theo đúng quy luật của luật, Ban kiểm soát đã gửi công văn nội bộ yêu cầu Ban điều hành giải trình các vấn đề liên quan trong việc lập và phát hành Báo cáo tài chính năm 2024 và Q1 năm 2025, việc chậm trễ BCTC do nhiều lý do khách quan và cả chủ quan Ban điều hành chưa thể cung cấp được cho Ban kiểm soát để tiến hành kiểm tra và giám sát theo quy định. Do đó các công tác thực hiện trong nửa đầu năm 2025 chỉ nhằm mục đích phối hợp với Ban điều hành cũng như khắc phục các vấn đề đã phát sinh tại đơn vị.
- *Monitoring and reviewing the accuracy and objectivity of the 2024 financial statement data and quarterly/semi-annual reports in 2025 in accordance with regulations. However, the Management Board has not yet been able to issue financial reports on schedule due to regulatory constraints. The Supervisory Board has sent an internal memorandum requesting explanations from the Management Board regarding the preparation and release of the 2024 and Q1/2025 financial statements. The delay in providing audited financial reports has been attributed to both objective and subjective factors, and the Management Board has not yet supplied the documents for the Supervisory Board to perform its audit and oversight duties. Therefore, activities in the first half of 2025 have primarily focused on coordinating with the Management Board to resolve ongoing issues within the Corporation.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

- HĐQT, BTGD luôn phối hợp chặt chẽ và xuyên suốt, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.
- *The Board of Directors and the Board of Management have always worked closely and consistently, creating favorable conditions for the Supervisory Board to carry out its duties based on the principle of serving the best interests of the Company and its shareholders.*
- BKS thường xuyên phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BTGD trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Thường xuyên trao đổi để tìm hiểu, làm rõ các nội dung trước khi đưa ra kiến nghị.

- *The Supervisory Board regularly collaborates closely with the Board of Directors and the Board of Management in carrying out assigned responsibilities and tasks. It frequently engages in discussions to understand and clarify matters before making recommendations.*
- Các thành viên BKS được BTGD hỗ trợ cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và đầy đủ. Được tạo điều kiện thuận lợi trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của BKS.
- *The members of the Supervisory Board are supported by the Board of Management in providing timely and complete information and documents. They are facilitated in communicating with other members of the Board of Directors, General Director, and the Chief Accountant to gather information necessary for the activities of the Supervisory Board.*
- BKS được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, BTGD, các phòng ban chức năng trong công ty. BKS đã tham vấn, đưa ra ý kiến trong phạm vi thẩm quyền, đảm bảo các nghị quyết và quyết định được tuân thủ và thực hiện hiệu quả.
- *The Supervisory Board is invited to attend meetings of the Board of Directors, the Board of Management, and the Company's functional departments. The Supervisory Board has consulted and provided opinions within its authority, ensuring that resolutions and decisions are adhered to and implemented effectively.*

5. Hoạt động khác của BKS (Nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any):
Không có/ None

IV. Ban điều hành/ Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Lê Huỳnh Thương Minh	03/08/1980	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>	Tổng Giám Đốc <i>CEO</i>	18/03/2025	
2	Nguyễn Văn Bắc	02/12/1975	Cử nhân Kế toán <i>Bachelor of Accounting</i>	Giám đốc tài chính/ Phó TGD phụ trách Tài chính Kế toán/ <i>CFO/ Deputy General Director in charge of Finance and Accounting</i>	23/02/2021/ 03/10/2022	
3	Nguyễn Thị Thanh Hương	19/05/1975	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administratio n (MBA)</i>	Phó TGD / Phó TGD Điều hành <i>Executive Deputy General Director</i>	15/07/2022/ 03/10/2022	31/03/2025
4	Trần Nguyên Huân	23/10/1971	Cử nhân Xây dựng <i>Bachelor of Construction Engineering</i>	Tổng Giám Đốc <i>CEO</i>	09/10/2024	18/03/2025

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
5	Hà Chí Dũng	05/09/1972	Kỹ sư xây dựng <i>Civil Engineer</i>	Phó TGD phụ trách Xây dựng <i>Deputy General Director in charge of Construction</i>	15/10/2024	18/03/2025
6	Nguyễn Trung Kiên	22/9/1982	Thạc sĩ giáo dục học/ <i>Master of Education</i>	Phó TGD phụ trách phía Bắc/ <i>Deputy CEO in charge of the North</i>	18/03/2025	10/06/2025

V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Nguyễn Viết Đoàn	16/08/1984	Cử nhân kế toán – kiểm toán <i>Bachelor of Accounting and Auditing</i>	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Nguyễn Thị Kim Yến	15/03/1987	Cử Nhân chuyên ngành KTDN – Chứng chỉ KKT <i>Bachelor's degree in Business Accounting – Chief Accountant Certificate</i>	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025

VI. Đào tạo về quản trị công ty: Không có/ Training courses on corporate governance: None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:

- Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company:** Phụ lục 1/ Appendix 1
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:** Phụ lục 2/ Appendix 2
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:** Phụ lục 3/ Appendix 3
- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects**
 - Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại

đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):* Phụ lục 4/ Appendix 4

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO):* Không có/None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers:* Không có/None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons:* Phụ lục 5/ Appendix 5
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*



Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2025) <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (30/06/2025) <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm <i>Reasons for increasing, decreasing</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	
1	Lê Thanh Tùng	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	59.400	0,02	50.000	0,015	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>
2	Nguyễn Viết Cường	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	50.000	0,015	32.000	0,0095	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>
3	Huỳnh Thị Thảo	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	25.274	0,007	74	0,00002	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>
4	Nguyễn Văn Bắc	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	953.580	0,28	300.080	0,09	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>
5	Đỗ Ngọc An	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	25.000	0,01	10.300	0,003	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>
6	Lê Huỳnh Thương Minh	Người nội bộ <i>Internal persons</i>	20.022	0,006	422	0,0001	Giao dịch bán <i>Selling shares</i>

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không có/ None

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu: P. HTKD/ P. QHNDT.
- Archived: BSD, IRD

CTCP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI 
TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS
JOINT STOCK COMPANY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYỄN THANH HÙNG
NGUYEN THANH HUNG



PHỤ LỤC 1/ APPENDIX 1

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) Securit ies trading accoun t (if any)	Chức vụ tại Công ty (nếu có) Position at the Compan y (if any)	Số giấy NSH ID	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
Người quản lý công ty mẹ Parent company manager											
1	Kou Kok Yiw							27/04/2024	08/03/2025	Đã mất	Chủ tịch HĐQT công ty mẹ Chairman of the Board of the parent company
2	Phạm Minh Tuấn							27/06/2020			Phó Chủ tịch HĐQT công ty mẹ Vice Chairman of the Board of the parent company
3	Nguyễn Thanh Hùng		Chủ tịch HĐQT					27/06/2020			Phó Chủ tịch HĐQT công ty mẹ Vice Chairman of the Board of



										<i>the parent company</i>
4	Tan Bo Quan, Andy						15/05/2021			Chủ tịch HĐQT công ty mẹ <i>Chairman of the parent company</i>
5	Nguyễn Tùng Lâm						28/04/2023			Thành viên HĐQT công ty mẹ <i>Member of the BOD of the parent company</i>
6	Hoàng Trung Thành						27/04/2024			Thành viên HĐQT công ty mẹ <i>Member of the BOD of the parent company</i>
7	Nguyễn Quốc Khánh						27/06/2020			Thành viên HĐQT công ty mẹ <i>Member of the BOD of the parent company</i>
8	Vũ Xuân Chiến						28/04/2023			Thành viên Độc lập HĐQT công ty mẹ <i>Independent Member of the BOD of the parent company</i>

9	Đặng Đình Tuấn							28/04/2023			Thành viên Độc lập HĐQT công ty mẹ <i>Independent Member of the BOD of the parent company</i>
10	Phạm Hữu Quốc							09/10/2023			Tổng Giám đốc <i>CEO</i>
Hội đồng quản trị / Board of Directors											
1	Nguyễn Thanh Hùng		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>					14/04/2022			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
2	Huỳnh Thị Kim Tuyền		Phó chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairwoman of the BODs</i>					14/04/2022			Người nội bộ <i>Internal persons</i>

3	Nguyễn Văn Bắc		TV HĐQT <i>Member of the BODs</i>					12/04/2023			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
4	Lê Thanh Tùng		TV HĐQT <i>Member of the BODs</i>					12/04/2023			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
5	Tomas Sven Jaehnig		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independ ent Board Member</i>					T4/2017			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
6	Dương Anh Văn		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independ ent Board Member</i>					12/04/2023			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
7	Bùi Quang Nam		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independ ent Board Member</i>					17/04/2024			Người nội bộ <i>Internal persons</i>

8	Trần Nguyên Huân		TV HĐQT <i>Member of the BODs</i>					12/11/2024			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
9	Đỗ Ngọc An		TV HĐQT <i>Member of the BODs</i>					12/11/2024			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
Ban điều hành <i>Executive Board</i>											
1	Nguyễn Thị Thanh Hương		Phó TGD <i>Deputy General Director</i>					15/07/2022	31/03/2025	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
2	Nguyễn Văn Bắc		Phó TGD <i>Deputy General Director</i>					23/02/2021			Người nội bộ <i>Internal persons</i>

3	Nguyễn Việt Đoàn		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					13/01/2022	10/04/2025	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
4	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách QTCT <i>Company Secretary cum CG Officer</i>					30/07/2019	18/03/2025	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
5	Trần Nguyên Huân		Tổng Giám đốc <i>CEO</i>					09/10/2024	18/03/2025	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
6	Hà Chí Dũng		Phó TGD phụ trách xây dựng <i>Deputy General Director in charge of construction</i>					15/10/2024	18/03/2025 5	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>

7	Lê Huỳnh Thương Minh		Tổng Giám Độc CEO					18/03/2025		Bổ nhiệm <i>appointment</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
8	Nguyễn Trung Kiên		Phó TGD phụ trách phía Bắc <i>Deputy CEO in charge of the North</i>					18/03/2025	10/06/2025	Thôi nhiệm <i>Dismissal</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
9	Nguyễn Thị Kim Yến		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					10/04/2025		Bổ nhiệm <i>appointment</i>	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
Ban kiểm soát <i>Supervisory Board</i>											
1	Nguyễn Viết Cương		Trưởng Ban kiểm soát					T12/2016			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
2	Nguyễn Đăng Hải		Thành viên BKS					T6/2018			Người nội bộ <i>Internal persons</i>

3	Huỳnh Thị Thảo		Thành viên BKS					14/04/2022			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
Người phụ trách quản trị công ty/ Person in charge of Corporate Governance											
1	Lê Nguyễn Phương Thảo		Người phụ trách quản trị công ty					10/06/2025			Người nội bộ <i>Internal persons</i>
Người liên quan đến Người nội bộ (Chi tiết ở Phụ lục 5 Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ) (the list of internal persons and their affiliated persons)											
Tổ chức liên quan đến công ty/ Organizations related to the company											
1	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital <i>Bamboo Capital JSC</i>			0311315789	07/11/2011	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.L.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	T04/2015			Công ty mẹ <i>Parent company</i>
2	CTCP Nước Sạch Life Purity <i>Life Purity Joint Stock Company</i>			0316385589	14/07/2020	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.L.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	23/04/2020	15/09/2023	Dừng góp vốn <i>Stop capital contribution</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>
3	Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến VLXD An Giang <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>			1600175162	20/09/1994	Sở KHĐT An Giang <i>An Giang D.P.L.</i>	Ấp Lò Rềng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang <i>Lo Reng hamlet, Chau Lang commune, Tri Ton district, An Giang</i>	16/06/1995			Công ty con <i>Subsidiary company</i>

4	CTCP TCD Plus <i>TCD Plus Joint Stock Company</i>			0317111679	07/01 /2022	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP HCM <i>89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, HCMC</i>	T01/2022			Công ty con <i>Subsidiary company</i>
5	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>			0301465425	24/10 /2008	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Lô IV-15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM <i>Lock IV-15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC</i>	T03/2023			Công ty con <i>Subsidiary company</i>
6	Cty TNHH Tracodi E&C <i>Tracodi E&C company limited</i>			0317828674	11/05 /2023	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	25 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức <i>25 Xuan Thuy Street, Thao Dien Ward, City. Thu Duc</i>	11/05/2023			Công ty con <i>Subsidiary company</i>
7	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Son Long <i>Son Long development investment joint stock company</i>			5701018653	02/01 /2009	Sở KHĐT TP. Hạ Long <i>Department of Planning and Investment, Ha Long</i>	Tổ 21, khu 4B, đường Hậu Cẩn, P Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh <i>Group 21, Area 4B, Hau Can Street, Bai Chay Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province</i>	T09/2022			Công ty liên kết <i>Affiliated Company</i>
8	Cty TNHH Đầu tư và Phát Triển Năng lượng Thanh Nguyên <i>Thanh Nguyen energy investment and</i>			5901023749	04/12 /2015	Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai <i>Gia Lai D.P.I.</i>	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai <i>Chu Jut Village, Chu Gu Commune, Krong Pa District, Gia Lai Province, Vietnam</i>	T12/2022			Công ty liên kết <i>Affiliated Company</i>

	<i>development company limited</i>										
9	CTCP BCG Land <i>BCG Land Joint Stock Company</i>			0314922132	15/03 /2018	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	22A Đường số 7, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, TP. HCM <i>No. 22A Street 7, An Phu Ward, City. Thu Duc, City. HCM</i>	06/06/2024			Công ty liên kết <i>Affiliated Company</i>
10	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng <i>Nguyen Hoang Development Joint Stock Company</i>			4100377261	09/08 /2000	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.I..</i>	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định <i>Nhon Hoa Industrial Park, Nhon Hoa Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province</i>	20/03/2015			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
11	CTCP BCG Energy <i>BCG Energy JSC.</i>			0314445458	08/06 /2017	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	08/06/2017			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
12	CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trình <i>BCG JCS. Cat Trinh Industrial Park</i>			4101566790	01/07 /2020	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định <i>Phong An, Cat Trinh Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province</i>	01/07/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
13	CTCP BCG Financial <i>BCG Financial Joint Stock Company</i>			0316951788	18/08 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	18/08/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

14	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA <i>AAA Insurance Joint Stock Corporation</i>			0303705665	28/03/2005	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	10-12 đường số 52, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh <i>10-12 Street No. 52, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	09/12/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
15	Công ty TNHH Phoenix Mountain <i>Phoenix Mountain Company Limited</i>			4101605111	20/10/2021	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.I.</i>	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định <i>National Highway 1D, Area 2, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province</i>	20/10/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
16	CTCP Dược phẩm Tipharco <i>Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company</i>			1200100557	28/02/2006	Sở KHĐT Tỉnh Tiền Giang <i>Tien Giang D.P.I.</i>	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang <i>Lot 08, 09 Tan My Chanh Industrial and Handicraft Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province</i>	27/07/2022			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
17	CTCP Thành Phúc <i>Thanh Phuc JSC.</i>			4400348180	21/10/2009	Sở KHĐT Tỉnh Phú Yên <i>Phu Yen D.P.I.</i>	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên <i>Lot D4, D5, D9, D10 – Northeast Song Cau Industrial Park, Xuan Hai Commune, Song Cau Town, Phu Yen Province</i>	10/09/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

18	CTCP Tapiotek <i>TAPIOTEK JSC</i>			3901277274	30/01 /2019	Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh <i>Tay Ninh D.P.I..</i>	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trần Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh <i>Group 7, Quarter 4, Chau Thanh Town, Chau Thanh District, Tay Ninh Province</i>	25/10/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
19	CTCP Du lịch Casa Marina Resort <i>Casa Marina Resort Travel JSC</i>			4101483255	16/03 /2017	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.I..</i>	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định <i>National Highway 1D, Quarter 1, Bai Xep, Ghenh Rang Ward, City. Quy Nhon, Binh Dinh Province</i>	16/03/2017			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
20	CTCP Thương Mại Vxperia <i>VXPERIA Trading JSC.</i>			0316720396	24/02 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	13/03/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
21	CTCP Sao Sáng Sài Gòn <i>Sao Sang Sai Gon JSC.</i>			0310004847	20/05 /2010	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	L17-11, Tòa nhà Vincor, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh <i>L17-11, Vincor Building, 72 Le Thanh Ton, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC</i>	3/16/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

22	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas <i>Indochina Hoi An beach villas company limited</i>			4000435375	22/07 /2008	Sở KHĐT Quảng Nam <i>Quang Nam D.P.I..</i>	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam <i>Block 1, Dien Duong Ward, Dien Ban Town, Quang Nam Province</i>	02/07/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
23	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp <i>Conbap Ecological Tourist CO. LTD</i>			4000491891	22/09 /2008	Sở KHĐT Quảng Nam <i>Quang Nam D.P.I..</i>	Cồn Bắp, Phường Cầm Nam, Thành phố Hội An, Quảng Nam <i>Con Bap, Cam Nam Ward, Hoi An City, Quang Nam Province</i>	26/12/2019			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
24	CTCP BCG Wind Sóc Trăng <i>BCG Wind Soc Trang Joint Stock Company</i>			2200743415	02/02 /2018	Sở KHĐT Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang D.P.I..</i>	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng <i>Alley 1, TL 934 Road, Hoa My Hamlet, My Xuyen Town, My Xuyen District, Soc Trang Province</i>	30/03/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
25	CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa <i>BCG Thanh Hoa Energy Joint Stock Company</i>			1101876437	05/03 /2018	Sở KHĐT Tỉnh Long An <i>Long An D.P.I..</i>	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An <i>31 Road No. 10, Hamlet 4, Nam Long Residential Area, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province</i>	30/03/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
26	CTCP Skylar <i>Skylar JSC</i>			0316031692	21/11 /2019	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien</i>	10/04/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

							Ward, Thu Duc City, HCMC				
27	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch <i>Clean Energy Vision Development JSC.</i>			4101468169	08/07 /2016	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.I..</i>	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định <i>Provincial Road 639, Village 8 Dong, My Thang Commune, Phu My District, Binh Dinh Province</i>	08/04/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
28	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 <i>Dong Thanh 1 Wind Power Company Limited</i>			2100661818	03/11 /2020	Sở KHĐT Tỉnh Trà Vinh <i>Tra Vinh D.P.I..</i>	Số 207, ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh <i>No. 207, Giong Gieng Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai Town, Tra Vinh Province</i>	18/11/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
29	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 <i>Dong Thanh 2 Wind Power Company Limited</i>			2100661825	03/11 /2020	Sở KHĐT Tỉnh Trà Vinh <i>Tra Vinh D.P.I..</i>	Số 207, ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh <i>No. 207, Giong Gieng Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai Town, Tra Vinh Province</i>	18/11/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
30	CTCP Aurai Wind Energy <i>Aurai Wind Energy Joint Stock Company</i>			0316363987	02/07 /2020	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	01/10/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

31	CTCP BCG Vinh Long <i>BCG Vinh Long Joint Stock Company</i>			1501079965	05/02 /2018	Sở KHĐT Tỉnh Cà Mau <i>Ca Mau D.P.I.</i>	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long <i>No. 356, Group 13, Phu Tan Hamlet, Trung Nghia Commune, Vung Liem District, Vinh Long Province</i>	06/10/2020			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
32	CTCP Herb Solar <i>Herb Solar Joint Stock Company</i>			0316958952	16/09 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	08/12/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
33	CTCP Orchid Solar <i>Orchid Solar Joint Stock Company</i>			0316958430	15/09 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	08/12/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
34	CTCP Violet Solar <i>Violet Solar Joint Stock Company</i>			0316957998	16/09 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	08/12/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
35	CTCP BCG GAIA <i>BCG GAIA Joint Stock Company</i>			0316831917	28/04 /2021	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	31/12/2021			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

36	CTCP Năng lượng BCG Băng Dương <i>BCG - Bang Duong Energy Joint Stock Company</i>			0313970937	18/08/2016	Sở KHĐT Tỉnh Long An <i>Long An D.P.I..</i>	Số 31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An <i>No. 31, Street No. 10, Hamlet 4, Nam Long Residential Area, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province</i>	18/08/2016			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
37	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương <i>Hanwha Energy Joint Stock Company - BCG Bang Duong</i>			0314337438	08/04/2017	Sở KHĐT Tỉnh Long An <i>Long An D.P.I..</i>	Số 90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An <i>No. 90, Street 10, Hamlet 4, Nam Long Residential Area, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province</i>	15/11/2018			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
38	CTCP Phát triển Điện Gia Huy <i>Gia Huy Electricity Development JSC.</i>			0109102803	26/02/2020	Sở KHĐT Tp. Hà Nội <i>Ha Noi D.P.I..</i>	44 Nguyễn Thái Học, P. Điện Biên, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội <i>No. 72, Alley 515, Hoang Hoa Tham Street, Vinh Phuc Ward, Ba Dinh District, Hanoi</i>	01/12/2023			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
39	CTCP BCG Điện gió Điện Biên Đông <i>BCG Dien Bien Dong Wind Power JSC</i>			5600345862	24/04/2024	Sở KHĐT Tỉnh Điện Biên <i>Dien Bien D.P.I..</i>	86A đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, P. Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên <i>86A, Hoa Binh Street, Residential Group 10, Tan Thanh Ward, Dien Bien Phu City, Dien Bien Province</i>	24/04/2024			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>

40	CTCP Aton <i>Aton Joint Stock Company</i>			0318486286	03/06/2024	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	03/06/2024			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>
41	CTCP BCG Eco <i>BCG ECO JSC.</i>			0318671899	16/09/2024	Sở KHĐT TP. HCM <i>HCMC D.P.I..</i>	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, HCMC</i>	16/09/2024			Cùng Công ty mẹ <i>under the same parent company</i>





PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số CMND/ ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch ((Đơn vị tính: đồng)	Ghi chú
No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	NSH No. date of issue, place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD	Content, quantity, total value of transaction	Note
1	CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital Bamboo Capital Joint Stock Company	Công ty mẹ và là tổ chức liên quan của người nội bộ Công ty, cổ đông lớn The parent company and an affiliated entity of the company's internal persons, and a blockholder	ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ Date of issue: 11/7/2011 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP. HCM/HCMC D.P.I.	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM 27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Năm 2025	73/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 05/10/2023 73/2023/NQ-HĐQT-TCD dated October 5th, 2023	Chuyển tiền vay (Giá trị: 1.400.000.000)	
					Year'2025		Loan Transfer (Amount: 1,400,000,000)	
					Năm 2025		Hoàn trả tiền vay (Giá trị: 8.684.000.000)	
					Year'2025		Loan repayment (Amount: 8,684,000,000)	
					Năm 2025		Thanh toán lãi vay (Giá trị: 256.209.546)	
					Year'2025		Loan interest payment (Amount: 256,209,546)	
					Năm 2025		Lãi vay phát sinh (Giá trị: 2.227.492.401)	
					Year'2025		Accrued loan interest (Amount: 2,227,492,401)	
					Năm 2025	25/2020/NQ-HĐQT-TCD ngày 22/06/2020	Phí tư vấn phát sinh (Giá trị: 1.036.800.000)	
					Year'2025	25/2020/NQ-HĐQT-TCD dated June 22, 2020	Accrued consulting fees (Amount: 1,036,800,000)	



2	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang/ Antraco Joint Venture Company Ltd	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/ NSH No.: 1600175162 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 20/9/1994 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH & Đầu tư Tỉnh An Giang/An Giang DPI.	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang/ <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>	Tháng 05, 06/2025 <i>May and June 2025</i>	56/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 11/08/2023 <i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	Đổi trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cần trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 giá trị 21.428.219.323 <i>Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025, with a total value of VND 21,428,219,323</i>	
					Tháng 03/2025 <i>Mar, 2025</i>		Phân phối lợi nhuận Antraco 2024 theo tờ trình 04/TTr.Cty ngày 14/03/2025 (Giá trị: - 2.839.348.410) <i>Profit distribution of Antraco for the year 2024 according to Proposal No. 04/TTr.Cty dated March 14th, 2025 (Amount: VND -2,839,348,410)</i>	
3	Công ty TNHH Tracodi E&C/ Tracodi E&C company limited	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0317828674 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 11/05/2023 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TP HCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P Bến Thành, TPHCM/89 <i>Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i>	Tháng 01, 02/2025	56/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 11/08/2023 <i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	Thanh toán khối lượng thi công dự án Eximbank HCM (Giá trị: 4.800.000.000)	
					January, February 2025		<i>Payment for construction work of Eximbank HCM (Amount: 4,800,000,000)</i>	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 11/08/2023 <i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Phùng Khắc Khoan (Giá trị: 1.018.181.884)	
					Mar-25		<i>Payment for construction volume of Eximbank Phùng Khắc Khoan project (Amount: 1,018,181,884)</i>	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 11/08/2023 <i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	Khối lượng thi công Eximbank Sư Vạn Hạnh (Giá trị: 979.152.032)	
					Mar-25		<i>Construction volume of the Eximbank Sư Vạn Hạnh project (Amount: 979,152,032).</i>	

					Tháng 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công Eximbank Chợ Lớn (Giá trị: 547.318.253)	
					Jun-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volume for Eximbank Chợ Lớn project (Amount: 547,318,253)	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn tạm ứng hợp đồng dự án Malibu trị giá 5.800.000.000	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Repayment of advance Malibu Project (Amount: 5,800,000,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán chi phí dự án Malibu (Giá trị: 377.404.751)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for the Malibu project costs (Amount: 377,404,751).	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 1.504.125.610)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volume, goods supply, and services for the Malibu project (Amount: 1,504,125,610).	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Tạm ứng HĐ 1108/2023/HĐTC/TCD-TRACODIEC trị giá 1.030.000.000	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Advance payment under Contract No. 1108/2023/HĐTC/TCD-TRACODIEC with a value of VND 1,030,000,000	

					Tháng 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Đổi trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cân trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 trị giá 2.161.574.335	
					Jun-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025, with a total value of VND 2,161,574,335	
					Tháng 01,02/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán chi phí thực hiện dự án khu dân cư Đức Thịnh (Giá trị: 7.900.025.195)	
					Jan, Feb 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for the implementation costs of the Đức Thịnh residential project (Amount: 7,900,025,195).	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng vật tư thi công dự án khu dân cư Đức Thịnh trị giá 3.940.064.826	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volumn for Duc Thinh residential project (Amount: 3,940,264,826)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Quyết toán theo HĐ số 0110/2024/HĐTKTC/TCD-EC DA PGBank Đồng Nai trị giá 3.515.637.173	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Final settlement under Contract No. 0110/2024/HĐTKTC/TCD-EC for the PGBank Dong Nai Project, with a total value of VND 3,515,637,173	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Quyết toán theo HĐ số 0210/2024/HĐTKTC/TCD-EC DA PG Bank PGD Đức Hòa trị giá 2.153.261.585	

					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Final settlement under Contract No. 0210/2024/HĐTKTC/TCD-EC for the PG Bank – Duc Hoa Branch Project, with a total value of VND 2,153,261,585	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Trích lập Dự phòng đầu tư tài chính Q1.2025: 1.533.629.962	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Provision for financial investment losses in Q1 2025: VND 1,533,629,962	
4	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa Investment and Trading Joint Stock Company	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0315989450 Ngày cấp/ Date of issue: 30/10/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, TP. HCM/89 Cách Mạng Tháng Tám, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City	06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền các hợp đồng dự án Malibu (Giá trị: 9.868.864.605)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for the contract amounts of the Malibu projects (Amount: 9,868,864,605).	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 2.758.727.685)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volume, goods supply, and services for the Malibu project (Amount: 2,758,727,685).	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền các hợp đồng dự án Malibu (Giá trị: 180.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of payments under Malibu project contracts (Amount: VND 180,000,000)	

					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Chi phí khấu trừ đợt 1 hợp đồng: 2004/2022/HĐCCLĐ/SCA/TC D-TCDT ngày 20/04/2022 và các PLHĐ- DA Malibu (Giá trị: 14.459.586)	
					<i>The first 6 months of 2025</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Deductible expenses from the first installment under Contract No. 2004/2022/HĐCCLĐ/SCA/TC D-TCDT dated April 20th, 2022 and related appendices – Malibu Project (Amount: VND 14,459,586)</i>	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền các hợp đồng dự án Côn Bắp (Giá trị: 1.000.000.000)	
					<i>The first 6 months of 2025</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Payment for contracts related to the Con Bap project (Amount: VND 1,000,000,000)</i>	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền quyết toán các hợp đồng 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB ngày 06/06/2022 DA HAD (Giá trị: 300.000.000)	
					<i>The first 6 months of 2025</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Refund of final settlement payments under Contract No. 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB dated June 6th, 2022 for the HAD Project (Amount: VND 300,000,000)</i>	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền quyết toán theo HĐ 3012/2021/HĐCCLĐ/SH/TCD-TCDT ngày 30/12/2021 DA Côn Bắp (Giá trị: 500.000.000)	

					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of final settlement payment under Contract No. 3012/2021/HĐCCLD/SH/TCD-TCDT dated December 30th, 2021 for the Con Bap Project (Amount: VND 500,000,000)	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền thanh toán HĐ 0606/2022/HĐTC/HAD/AOH/TCD-IDB ngày 10/06/22 DA Cồn Bắp (Giá trị: 200.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of payment under Contract No. 0606/2022/HĐTC/HAD/AOH/TCD-IDB dated June 10th, 2022 for the Con Bap Project (Amount: VND 200,000,000)	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Giá trị thanh toán đợt 1 - Thi công xây dựng theo HĐ số 0612/2024/HĐNC/CD-CT-ST.TP4/SHUAA-TRACODI (Giá trị: 417.267.994)	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	First installment payment for construction works under Contract No. 0612/2024/HĐNC/CD-CT-ST.TP4/SHUAA-TRACODI (Amount: VND 417,267,994)	
					Tháng 04/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp thiết bị IT Workstation (AVTECH) theo HĐ 2106/2022/HDMHH/AVTECH/TCD-INDOBA (Giá trị: 54.632.655)	
					Apr-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Supply of IT Workstation equipment (AVTECH) under Contract No. 2106/2022/HDMHH/AVTECH/TCD-INDOBA (Amount: VND 54,632,655)	

					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT- TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán theo HĐ số 20222911/HĐMHH/SNT/TCD -IND ký ngày 06/12/2022 DA KCI (Giá trị: 33.165.000)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment under Contract No. 20222911/HĐMHH/SNT/TCD- IND signed on December 6th, 2022 for the KCI Project (Amount: VND 33,165,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT- TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán HĐ 1005/2021/HĐTC/TCD-TCĐT ngày 10/05/21 DA Vạn Đạt (Giá trị: 500.000.000)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment under Contract No. 1005/2021/HĐTC/TCD-TCĐT dated May 10th, 2021 for the Van Dat Project (Amount: VND 500,000,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT- TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán mua bánh trung thu, chi phí văn phòng (Giá trị: 52.323.000)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for mooncake purchases and office expenses (Amount: VND 52,323,000)	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT- TCD ngày 11/08/2023	Áo mưa (Giá trị: 2.527.200)	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Raincoats (Amount: VND 2,527,200)	
					Tháng 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT- TCD ngày 11/08/2023	Đối trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cần trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 (Giá trị: 3.028.577.243)	

					Jun-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025 (Amount: VND 3,028,577,243)	
5	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas <i>Indochina Hoi An Beach Villas Company Limited</i>	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 4000435375 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 22/02/2006 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT Quảng Nam/ <i>Quang Nam DPI</i> .	Khối 1 - Phường Điện Dương - Thị Xã Điện Bàn - Quảng Nam/ <i>Block 1, Dien Duong Ward, Dien Ban Town, Quang Nam Province</i>	06 tháng 2025 <i>The first 6 months of 2025</i>	30/2018/BB-HĐQT-TCD ngày 18/06/2018 <i>30/2018/BB-HĐQT-TCD, dated June 18th, 2018</i>	Lãi hợp tác kinh doanh số tiền 4.165.479.452 <i>Business cooperation profit (Amount: 4,165,479,452)</i>	
6	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 <i>B.O.T DT 830 Co., Ltd.</i>	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 1101834236 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 27/10/2016 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở kế hoạch đầu tư Long An/ <i>Long An DPI</i> .	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An/ <i>32A/3 Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province</i>	06 tháng 2025 <i>The first 6 months of 2025</i> 06 tháng 2025 <i>The first 6 months of 2025</i>	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 <i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	Doanh thu quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 1.364.084.577) <i>Regular management and maintenance (Amount: 1,364,084,577)</i> Thu tiền phí quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 1.473.211.343) <i>Collecting regular management and maintenance fees of BOT 830 (Amount: 1,473,211,343)</i>	
7	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0301465425 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 24/10/2008 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH & Đầu tư TP.HCM/ <i>HCMC DPI</i> .	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM/ <i>Lot IV - 15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City</i>	06 tháng 2025 <i>The first 6 months of 2025</i>	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023 <i>Resolution No. 19/2023 of BOD dated March 30, 2023</i>	Phí dịch vụ (Giá trị: 952.000) <i>Service fee (Amount: 952,000)</i> Thanh toán phí dịch vụ (Giá trị: 41.771.440) <i>Payment of service fee (Amount: 41,771,440)</i> Trích lập Dự phòng Vina Taxi 242.965.098 <i>Provision for Vina Taxi: 242,965,098</i>	
8	CTCP Thăng Phương	Tổ chức liên quan người	ĐKKD/NSH No.: 0304371285	Tầng 19, Khu Văn Phòng Tòa Nhà Indochina, Số 4	06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày	Lãi hợp tác kinh doanh (Giá trị: 13.966.257.534)	



	Thang Phuong Joint Stock Company.	nội bộ Công ty Subsidiary company	Ngày cấp/ Date of issue: 25/04/2006 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư TP.HCM/HCMC DPI.	Nguyễn Đình Chiêu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM/ 19th Floor, Indochina Office Building, 4 Nguyen Dinh Chieu Street, Da Kao Ward, District 1, HCM City	The first 6 months of 2025	11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Business cooperation profit (Amount: 12,966,257,534)	
9	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA AAA Insurance Corporation	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 30GP/KDBH Ngày cấp/ Date of issue: 28/02/2005 Nơi cấp/ Place of issue: Bộ Tài chính/Minister of Finance	10-12 Đường số 52 - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Thành phố Thủ Đức - TP. HCM/10-12 Street No. 52 - Thanh My Loi Ward - Thu Duc City - Ho Chi Minh City	06 tháng 2025 The first 6 months of 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự, vật chất (Giá trị: 25.942.300) Insurance premiums for liability, property (Amount: 25,942,300) Thanh toán phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự (Giá trị: 1.474.100) Payment of insurance premiums for liability (Amount: 1,474,100)	
10	Công ty TNHH Một thành viên Đá Suối Kiệt Suoi Kiet Stone One Member Company Limited	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0315080425 Ngày cấp/ Date of issue: 01/06/2008 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Bình Thuận/Binh Thuan DPI.	1A Lê Duẩn, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận/1A Le Duan Street, Phong Nam Commune, Phan Thiet City, Binh Thuan Province	06 tháng đầu năm 2025 The first 6 months of 2025	59/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/08/2023 Resolution No. 59/2023 of BOD dated August 30, 2023	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh (Giá trị: 2.550.000.000) Transfer of business cooperation funds (Amount: 2,550,000,000)	
11	Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thanh Nguyên Thanh Nguyen energy investment and development company limited	Công ty liên doanh liên kết Affiliated Company	ĐKKD/NSH No.: 5901023749 Ngày cấp/ Date of issue: 04/12/2015 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai/ Gia Lai D.P.I.	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai Chu Jut Village, Chu Gu Commune, Krong Pa District, Gia Lai Province, Vietnam	06 tháng đầu năm 2025 The first 6 months of 2025	34/2024/NQ-HĐQT-TCD ngày 25/06/2024 34/2024/NQ-HĐQT-TCD dated June 25, 2024	Thanh toán tiền thi công dự án Krông Pa 2 số tiền 2.000.000.000 Payment for construction volume of Krông Pa 2 project amount 2,000,000,000 Trích lập Dự phòng Thành Nguyên 573.437.138 Provision for financial investment losses – Thanh Nguyen: VND 573,437,138	



PHỤ LỤC 3 / APPENDIX 3

GIAO DỊCH LIÊN QUAN GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY Nắm QUYỀN KIỂM SOÁT
TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER

ST T	Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên lạc	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)	Ghi chú
No.	Transaction executor	Relationship with internal persons	Position at the listed company	ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Address	Name of subsidiarie s or companies which the Company control	Time of transaction	Content, quantity, total value of transaction	Note
1	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 B.O.T DT 830 Co., Ltd	Tổ chức liên quan của người nội bộ Related organizations of internal person		ĐKKD/NSH No.: 1101834236 Ngày cấp/ Date of issue: 27/10/2016 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Long An/ Long An D.P.I.	32A/3 Ấp 3, Xã An Thanh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An/32A/3 Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province	CTCP TCD Plus/ TCD Plus JSC.	01/01/2025	Hợp đồng cung cấp dịch vụ 01/2025/HĐTP/ĐT830-PLUS (30/12/2024) (Giá trị: 13.737.600.000) Service Provision Contract No. 01/2025/HĐTP/ĐT830- PLUS dated December 30th, 2024 (Value: VND 13,737,600,000)	
2	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa Shuaa Investm ent and Trading Jo int Stock Comp any	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related organizations of internal person		ĐKKD/NSH No.: 0315989450 Ngày cấp/ Date of issue: 30/10/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM/ 89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, HCMC	CTCP TCD Plus/ TCD Plus JSC.	01/04/2025	Mua áo mưa (giá trị: 3.499.200) Purchase of raincoats (Amount: VND 3,499,200)	



3	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA <i>AAA Insurance Joint Stock Corporation</i>	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/ <i>Related organizations of internal person</i>		ĐKKD/NSH No.: 0303705665 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 28/03/2005 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ <i>HCMC DPI</i> .	10-12 Đường số 52 - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Thành phố Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh/ <i>10-12 Street No. 52 - Thanh My Loi Ward - Thu Duc City - Ho Chi Minh City</i>	CTCP TCD Plus/ <i>TCD Plus JSC.</i>	17/1/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô (Giá trị: 5.890.200) <i>Comprehensive automobile insurance contract (Amount: VND 5,890,200)</i>	
4	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang/ <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>		ĐKKD/ NSH No.: 1600175162 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 20/9/1994 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH & Đầu tư Tỉnh An Giang/ <i>An Giang DPI</i> .	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang/ <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>	Công ty TNHH Tracodi E&C/ <i>Tracodi E&C company limited</i>	28/05/2025	Thi công xây dựng theo HĐ TTEC.1.00100-CD-CON-0001 ngày 10/08/2024 và các PL1, PL2, PL3 <i>Construction works under Contract No. TTEC.1.00100-CD-CON-0001 dated August 10th, 2024 and Appendices 1, 2, and 3</i>	18.358.558.084
5	CTCP BCG Energy <i>BCG Energy JSC.</i>	Tổ chức có liên quan của người nội bộ <i>Related organizations of internal person</i>		ĐKKD/NSH No.: 0314445458 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 08/06/2017 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ <i>HCMC DPI</i> .	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>	23/01/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ <i>Repair service fee</i>	2.848.500
							02/10/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ <i>Repair service fee</i>	12.819.600
							14/04/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ <i>Repair service fee</i>	7.968.240
							19/05/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ <i>Repair service fee</i>	1.746.900
							23/01/2025	Tạm ứng hợp đồng thuê kho lưu trữ hồ sơ/ <i>Advance payment under the contract for renting document storage warehouse</i>	100.000.000
6	CTCP BCG Land <i>BCG Land Joint Stock Company</i>	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/ <i>Related organizations of internal person</i>		ĐKKD/NSH No.: 0317308153 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 15/03/2018 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ <i>HCMC DPI</i> .	22A Đường số 7, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, TP. HCM <i>No. 22A Street 7, An Phu Ward, City. Thu Duc, City. HCM</i>	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>	23/01/2025	Dịch vụ taxi/ <i>Taxi service</i>	5.356.000
							27/02/2025	Dịch vụ taxi/ <i>Taxi service</i>	3.752.800
							27/03/2025	Dịch vụ taxi/ <i>Taxi service</i>	1.312.500
							28/04/2025	Dịch vụ taxi/ <i>Taxi service</i>	850.000
							27/06/2025	Dịch vụ taxi/ <i>Taxi service</i>	720.000

7	CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital/ Bamboo Capital Group Joint Stock Company	Công ty mẹ / The parent company		ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ Date of issue: 11/7/2011 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM/ 27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	01/02/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ Repair service fee	5.535.000
8	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa Shuaa Investment and Trading JS C.	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Related organizations of internal person		ĐKKD/NSH No.: 0315989450 Ngày cấp/ Date of issue: 30/10/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM/ 89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	06/02/2025	Phí thuê mặt bằng giữ xe 2 và 4 bánh Rental fee for parking space for motorcycles and cars	4.680.000
9	Công ty TNHH Tracodi E&C/ Tracodi E&C company limited	Công ty con Subsidiary company		ĐKKD/NSH No.: 0317828674 Ngày cấp/ Date of issue: 11/05/2023 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	25 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức 25 Xuan Thuy Street, Thao Dien Ward, City. Thu Duc	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	15/01/2025	Thanh toán phí dịch vụ sửa chữa Payment for repair service fees	
10	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA AAA Insurance Joint Stock Corporation	Tổ chức có liên quan của người nội bộ/Related organizations of internal person		ĐKKD/NSH No.: 0303705665 Ngày cấp/ Date of issue: 28/03/2005 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	10-12 Đường số 52 - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Thành phố Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh/ 10-12 Street No. 52 - Thanh My Loi Ward - Thu Duc City - Ho Chi Minh City	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	11/02/2025	Phí dịch vụ sửa chữa/ Repair service fee	38.448.000
							03/05/2025	Hợp đồng nguyên tắc BHTN xe ô tô/ Auto accident insurance principle contract	150.527.758
							5/1/2025	HĐBHTN con người/ Personal accident insurance contract	12.546.400
							20/01/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ Combined automobile insurance policy	12.566.400
							26/02/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ Combined automobile insurance policy	1.201.662

							21/03/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ <i>Combined automobile insurance policy</i>	25.889.111
							31/03/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ <i>Combined automobile insurance policy</i>	25.868.333
							23/04/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ <i>Combined automobile insurance policy</i>	11.749.097
							05/08/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ <i>Combined automobile insurance policy</i>	19.596.130
							30/06/2025	HĐBH Kết Hợp Xe ô Tô/ <i>Combined automobile insurance policy</i>	47.685.000



PHỤ LỤC 4 / APPENDIX 4

GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY THAT ITS MEMBERS OF BOARD OF MANAGEMENT, THE BOARD OF SUPERVISORS, GENERAL DIRECTOR HAVE BEEN FOUNDING MEMBERS OR MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, OR CEOS IN THREE LATEST YEARS

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số CMND/ ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp <i>No. date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactio ns with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by GMS/ BOD</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (Đơn vị tính: đồng) <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital <i>Bamboo Capital Group Joint Stock Company</i>	Công ty mẹ <i>The parent company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i> 11/7/2011 Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KHĐT TP. HCM/HCMC D.P.I	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>	Năm 2025	73/2023/NQ- HĐQT-TCD ngày 05/10/2023 73/2023/NQ- HĐQT-TCD dated October 5th, 2023	Chuyển tiền vay (Giá trị: 1.400.000.000)	
					Year'2025		Loan Transfer (Amount: 1,400,000,000)	
					Năm 2025		Hoàn trả tiền vay (Giá trị: 8.684.000.000)	
					Year'2025		Loan repayment (Amount: 8,684,000,000)	
					Năm 2025		Thanh toán lãi vay (Giá trị: 256.209.546)	
					Year'2025		Loan interest payment (Amount: 256,209,546)	
					Năm 2025		Lãi vay phát sinh (Giá trị: 2.227.492.401)	
					Year'2025		Accrued loan interest (Amount: 2,227,492,401)	
					Năm 2025	25/2020/NQ- HĐQT-TCD ngày 22/06/2020	Phí tư vấn phát sinh (Giá trị: 1.036.800.000)	



					Year'2025	25/2020/NQ-HĐQT-TCD dated June 22, 2020	Accrued consulting fees (Amount: 1,036,800,000)	
					Tháng 01, 02, 04/2024	73/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 05/10/2023	Chuyển tiền vay (Giá trị: 25.700.000.000)	
					January, February, April 2024	73/2023/NQ-HĐQT-TCD dated October 5, 2023	Loan transfer (Value: 25,700,000,000 VND)	
					Tháng 06/2024		Hoàn trả tiền vay (Giá trị: 7.900.000.000)	
					Jun-24		Repayment of loan (Value: 7,900,000,000 VND)	
					Tháng 02/2024		Thanh toán lãi vay (Giá trị: 549.256.772)	
					Feb-24		Payment of loan interest (Value: 549,256,772 VND)	
					Tháng 03, 06/2024		Lãi vay phát sinh (Giá trị: 2.481.726.028)	
					March, June 2024		Accrued loan interest (Value: 2,481,726,028 VND)	
					Tháng 01, 02, 04, 06/2024	83/2019/NQ-TTHĐQT-TCD ngày 17/12/2019	Thanh toán phí tư vấn (Giá trị: 3.730.743.228)	
					January, February, April, June 2024	83/2019/NQ-TTHĐQT-TCD dated Deceber, 17th, 20219	Payment of consulting fees (Value: 3,730,743,228 VND)	
					06 tháng đầu năm 2024	25/2020/NQ-HĐQT-TCD ngày 22/06/2020	Phí tư vấn phát sinh (Giá trị: 3.110.400.000)	
					The first 6 months of 2024	25/2020/NQ-HĐQT-TCD, dated June 22, 2020	Accrued consulting fees (Value: 3,110,400,000 VND)	
2	Công ty cổ phần BCG Land	Tổ chức liên quan của người nội bộ	ĐKKD/NSH No.: 314922132 Ngày cấp/ Date of	22A Đường số 7, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí	Tháng 01/2024	96/2022/NQ-HĐQT-TCD ngày 01/11/2022	Thuê xe (Giá trị: 120.000.000)	

	BCG Land Joint Stock Company	Công ty Related organization s of internal person	issue: 15/03/2018 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư TP.HCM/ HCMC DPI.	Minh/22A Street No. 7, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Jan-24	96/2022/NQ-HĐQT-TCD, dated November 1st, 2022	Car rental (Value: 120,000,000 VND)	
3	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang Antraco Joint Venture Company Ltd	Công ty con Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 1600175162 Ngày cấp/ Date of issue: 20/9/1994 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư Tỉnh An Giang/ An Giang DPI.	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang/ Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province	Tháng 05, 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Đổi trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cần trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 giá trị 21.428.219.323	
					May and June 2025		Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025, with a total value of VND 21,428,219,323	
					Tháng 03/2025		Phân phối lợi nhuận Antraco 2024 theo tờ trình 04/TTr.Cty ngày 14/03/2025 (Giá trị: -2.839.348.410)	
					Mar-25		Profit distribution of Antraco for the year 2024 according to Proposal No. 04/TTr.Cty dated March 14th, 2025 (Amount: VND -2,839,348,410)	
					Tháng 01, 04/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn tạm ứng hợp đồng cung cấp vật tư (Giá trị: 33.000.000.000)	
					January, April 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023	Advance payment for supply contract (Value: 33,000,000,000 VND)	
					Tháng 01; 04/2024		Tạm ứng hợp đồng cung cấp vật tư (Giá trị: 30.000.000.000)	
					January, April 2024		Advance payment for supply contract (Value: 30,000,000,000 VND)	
					Tháng 03; 05/2024		Cổ tức (Giá trị: 25.210.491.655)	
					March, May 2024		Dividends (Value: 25,210,491,655 VND)	
4	Công ty cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tổ chức liên quan của người nội bộ	ĐKKD/NSH No.: 2001279358 Ngày cấp/ Date of	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1,	Tháng 02/2024	04.1/2022/NQ-HĐQT-TCD ngày 14/01/2022	Hoàn trả tạm ứng (Giá trị: 10.641.000.000)	

	<i>BCG Khai Long 1 Wind Power JSC</i>	<i>Công ty Related organization s of internal person</i>	<i>issue: 17/11/2017 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Cà Mau/Cà Mau DPI.</i>	<i>TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau/ PG3-17, SH4 Block, Street No. 7A, Khanh 5 Hamlet, Ward 1, Ca Mau City, Ca Mau Province</i>	<i>Feb-24</i>	<i>04.1/2022/NQ-HĐQT-TCD, dated January 14th, 2022</i>	<i>Repayment of advance (Value: 10,641,000,000 VND)</i>	
5	<i>Công ty TNHH Tracodi E&C Tracodi E&C company limited</i>	<i>Công ty con Subsidiary company</i>	<i>ĐKKD/NSH No.: 0317828674 Ngày cấp/ Date of issue: 11/05/2023 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP HCM/ HCMC DPI.</i>	<i>89 Cách Mạng Tháng Tám, P Bến Thành, Quận 1, TPHCM/89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City</i>	<i>Tháng 01, 02/2025</i>	<i>56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023</i>	<i>Thanh toán khối lượng thi công dự án Eximbank HCM (Giá trị: 4.800.000.000)</i>	
					<i>January, February 2025</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Payment for construction work of Eximbank HCM (Amount: 4,800,000,000)</i>	
					<i>Tháng 03/2025</i>	<i>56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023</i>	<i>Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Phụng Khắc Khoan (Giá trị: 1.018.181.884)</i>	
					<i>Mar-25</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Payment for construction volume of Eximbank Phụng Khắc Khoan project (Amount: 1,018,181,884)</i>	
					<i>Tháng 03/2025</i>	<i>56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023</i>	<i>Khối lượng thi công Eximbank Sư Vạn Hạnh (Giá trị: 979.152.032)</i>	
					<i>Mar-25</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Construction volume of the Eximbank Sư Vạn Hạnh project (Amount: 979,152,032).</i>	
					<i>Tháng 06/2025</i>	<i>56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023</i>	<i>Khối lượng thi công Eximbank Chợ Lớn (Giá trị: 547.318.253)</i>	
					<i>Jun-25</i>	<i>Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023</i>	<i>Construction volume for Eximbank Chợ Lớn project (Amount: 547,318,253)</i>	
					<i>Tháng 03/2025</i>	<i>56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023</i>	<i>Hoàn tạm ứng hợp đồng dự án Malibu trị giá 5.800.000.000</i>	

					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Repayment of advance Malibu Project (Amount: 5,800,000,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán chi phí dự án Malibu (Giá trị: 377.404.751)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for the Malibu project costs (Amount: 377,404,751).	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 1.504.125.610)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volume, goods supply, and services for the Malibu project (Amount: 1,504,125,610).	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Tạm ứng HĐ 1108/2023/HĐTC/TCD-TRACODIEC trị giá 1.030.000.000	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Advance payment under Contract No. 1108/2023/HĐTC/TCD-TRACODIEC with a value of VND 1,030,000,000	
					Tháng 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Đối trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cân trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 trị giá 2.161.574.335	
					Jun-25		Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025, with a total value of VND 2,161,574,335	
					Tháng 01,02/2025		Thanh toán chi phí thực hiện dự án khu dân cư Đức Thịnh (Giá trị: 7.900.025.195)	
					Jan, Feb 2025		Payment for the implementation costs of the Đức Thịnh residential project (Amount: 7,900,025,195).	

					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng vật tư thi công dự án khu dân cư Đức Thịnh trị giá 3.940.064.826	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Contruction volumn for Duc Thinh residential project (Amount: 3,940,264,826)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Quyết toán theo HĐ số 0110/2024/HĐTKTC/TCD-EC DA PGBank Đồng Nai trị giá 3.515.637.173	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Final settlement under Contract No. 0110/2024/HĐTKTC/TCD-EC for the PGBank Dong Nai Project, with a total value of VND 3,515,637,173	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Quyết toán theo HĐ số 0210/2024/HĐTKTC/TCD-EC DA PG Bank PGD Đức Hòa trị giá 2.153.261.585	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Final settlement under Contract No. 0210/2024/HĐTKTC/TCD-EC for the PG Bank – Duc Hoa Branch Project, with a total value of VND 2,153,261,585	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Trích lập Dự phòng đầu tư tài chính Q1.2025: 1.533.629.962	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Provision for financial investment losses in Q1 2025: VND 1,533,629,962	
					Tháng 01, 02, 03/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán khối lượng thi công dự án Eximbank Phan Văn Trị (Giá trị: 1.714.233.052)	
					January, February, March 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Payment for construction of Eximbank Phan Van Tri project (Value: 1,714,233,052 VND)	
					Tháng 01; 03/2024		Khối lượng thi công Eximbank Phan Văn Trị (Giá trị: 2.426.925.613)	

					January, March 2024		Construction volume of Eximbank Phan Van Tri (Value: 2,426,925,613 VND)	
					Tháng 01; 03/2024		Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Tân Uyên (Giá trị: 1.412.046.507)	
					January, March 2024		Payment for construction volume of Eximbank Tan Uyen (Value: 1,412,046,507 VND)	
					Tháng 03/2024		Khối lượng thi công Eximbank Tân Uyên (Giá trị: 1.990.046.507)	
					Mar-24		Construction volume of Eximbank Tan Uyen (Value: 1,990,046,507 VND)	
					Tháng 01; 03/2024		Thanh toán khối lượng Eximbank Phước Long (Giá trị: 3.304.050.948)	
					January, March 2024		Payment for volume of Eximbank Phuoc Long (Value: 3,304,050,948 VND)	
					Tháng 03/2024		Khối lượng thi công Eximbank Phước Long (Giá trị: 1.365.949.052)	
					Mar-24		Construction volume of Eximbank Phuoc Long (Value: 1,365,949,052 VND)	
					Tháng 03; 04/2024		Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Thị Nghè (Giá trị: 729.669.493)	
					March, April 2024		Payment for construction volume of Eximbank Thi Nghe (Value: 729,669,493 VND)	
					Tháng 03; 04/2024		Khối lượng thi công Eximbank Thị Nghè (Giá trị: 2.247.743.692)	
					March, April 2024		Construction volume of Eximbank Thi Nghe (Value: 2,247,743,692 VND)	
					Tháng 03; 04; 05/2024		Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Lê Văn Sĩ (Giá trị: 3.234.354.927)	
					March, April 2024		Payment for construction volume of Eximbank Le Van Si (Value: 3,234,354,927 VND)	

					Tháng 05/2024	Khối lượng thi công Eximbank Lê Văn Sĩ (Giá trị: 2.433.182.220)	
					May-24	Construction volume of Eximbank Le Van Si (Value: 2,433,182,220 VND)	
					Tháng 05/2024	Khối lượng thi công Eximbank Sư Vạn Hạnh (Giá trị: 2.071.172.706)	
					May-24	Construction volume of Eximbank Su Van Hanh (Value: 2,071,172,706 VND)	
					Tháng 03; 04/2024	Thanh toán khối lượng thi công trùng tu BOT 830 (Giá trị: 8.663.790.000)	
					March, April 2024	Payment for construction volume of BOT 830 renovation (Value: 8,663,790,000 VND)	
					Tháng 04; 05/2024	Khối lượng thi công trung tu và quản lý BOT 830 (Giá trị: 12.141.304.414)	
					April; May 2024	Construction volume for renovation and management of BOT 830 (Value: 12,141,304,414 VND)	
					06 tháng 2024	Thanh toán chi phí dự án King Crow infinity (Giá trị: 5.550.000.000)	
					The first 6 months of 2024	Payment for King Crow Infinity project costs (Value: 5,550,000,000 VND)	
					Tháng 03/2024	Thanh toán chi phí dự án King Crow infinity (Giá trị: 145.592.571)	
					Mar-24	Payment for King Crow Infinity project costs (Value: 145,592,571 VND)	
					Tháng 03; 05/2024	Thanh toán các hợp đồng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 14.408.331.245)	
					March; April 2024	Payment for construction, supply, and service contracts of the Malibu project (Value: 14,408,331,245 VND)	
					Tháng 03/2024	Thanh toán chi phí quản lý dự án (Giá trị: 1.700.000.000)	
					Mar-24	Payment for project management costs (Value: 1,700,000,000 VND)	

					Tháng 03/2024		Chi phí quản lý dự án (Giá trị: 1.700.000.000)	
					Mar-24		Project management costs (Value: 1,700,000,000 VND)	
					Tháng 02/2024		Thanh toán chi phí thực hiện dự án khu dân cư Đức Thịnh (Giá trị: 2.134.723.000)	
					Feb-24		Payment for the implementation costs of the Duc Thinh residential area project (Value: 2,134,723,000 VND)	
					Tháng 03/2024		Hợp đồng thuê xe (Giá trị: 33.000.000)	
					Mar-24		Car rental contract (Amount: 33,000,000 VND)	
					06 tháng 2024		Hợp đồng hợp tác - liên kết (tiền thuê nhà) (Giá trị: 70.000.000)	
					The first 6 months of 2024		Partnership agreement (rental payment) (Value: 70,000,000 VND)	
6	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Shuaa <i>Shuaa Investment and Trading Joint Stock Company</i>	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0315989450 Ngày cấp/ Date of issue: 30/10/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM/89 Cách Mạng Tháng Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền các hợp đồng dự án Malibu (Giá trị: 9.868.864.605)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for the contract amounts of the Malibu projects (Amount: 9,868,864,605).	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 2.758.727.685)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Construction volume, goods supply, and services for the Malibu project (Amount: 2,758,727,685).	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền các hợp đồng dự án Malibu (Giá trị: 180.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of payments under Malibu project contracts (Amount: VND 180,000,000)	

					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Chi phí khấu trừ đợt 1 hợp đồng: 2004/2022/HĐCCLĐ/SCA/TCD-TCDT ngày 20/04/2022 và các PLHĐ- DA Malibu (Giá trị: 14.459.586)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Deductible expenses from the first installment under Contract No. 2004/2022/HĐCCLĐ/SCA/TCD-TCDT dated April 20th, 2022 and related appendices – Malibu Project (Amount: VND 14,459,586)	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền các hợp đồng dự án Cồn Bắp (Giá trị: 1.000.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for contracts related to the Con Bap project (Amount: VND 1,000,000,000)	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền quyết toán các hợp đồng 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB ngày 06/06/2022 DA HAD (Giá trị: 300.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of final settlement payments under Contract No. 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB dated June 6th, 2022 for the HAD Project (Amount: VND 300,000,000)	
					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền quyết toán theo HĐ 3012/2021/HĐCCLĐ/SH/TCD-TCDT ngày 30/12/2021 DA Cồn Bắp (Giá trị: 500.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of final settlement payment under Contract No. 3012/2021/HĐCCLĐ/SH/TCD-TCDT dated December 30th, 2021 for the Con Bap Project (Amount: VND 500,000,000)	

					06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hoàn trả tiền thanh toán HĐ 0606/2022/HĐTC/HAD/AOH/TCD-IDB ngày 10/06/22 DA Cần Bắp (Giá trị: 200.000.000)	
					The first 6 months of 2025	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Refund of payment under Contract No. 0606/2022/HĐTC/HAD/AOH/TCD-IDB dated June 10th, 2022 for the Con Bap Project (Amount: VND 200,000,000)	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Giá trị thanh toán đợt 1 - Thi công xây dựng theo HĐ số 0612/2024/HĐNC/CD-CT-ST.TP4/SHUAA-TRACODI (Giá trị: 417.267.994)	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	First installment payment for construction works under Contract No. 0612/2024/HĐNC/CD-CT-ST.TP4/SHUAA-TRACODI (Amount: VND 417,267,994)	
					Tháng 04/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp thiết bị IT Workstation (AVTECH) theo HĐ 2106/2022/HĐMHH/AVTECH/TCD-INDOBA (Giá trị: 54.632.655)	
					Apr-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Supply of IT Workstation equipment (AVTECH) under Contract No. 2106/2022/HĐMHH/AVTECH/TCD-INDOBA (Amount: VND 54,632,655)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán theo HĐ số 20222911/HĐMHH/SNT/TCD-IND ký ngày 06/12/2022 DA KCI (Giá trị: 33.165.000)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment under Contract No. 20222911/HĐMHH/SNT/TCD-IND signed on December 6th, 2022 for the KCI Project (Amount: VND 33,165,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán HĐ 1005/2021/HĐTC/TCD-TCDDT ngày 10/05/21 DA Vạn Đạt (Giá trị: 500.000.000)	

					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment under Contract No. 1005/2021/HĐTC/TCD-TCDDT dated May 10th, 2021 for the Van Dat Project (Amount: VND 500,000,000)	
					Tháng 01/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán mua bánh trung thu, chi phí văn phòng (Giá trị: 52.323.000)	
					Jan-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Payment for mooncake purchases and office expenses (Amount: VND 52,323,000)	
					Tháng 03/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Áo mưa (Giá trị: 2.527.200)	
					Mar-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Raincoats (Amount: VND 2,527,200)	
					Tháng 06/2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Đối trừ công nợ 4 bên theo Biên bản xác nhận cân trừ công nợ 4 bên ngày 01/06/2025 (Giá trị: 3.028.577.243)	
					Jun-25	Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Offsetting of liabilities among four parties according to the Four-Party Debt Offset Confirmation Minutes dated June 1st, 2025 (Amount: VND 3,028,577,243)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền hợp đồng các dự án Malibu (Giá trị: 161.222.179.781)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Payment for contract amounts of the Malibu projects (Value: 161,222,179,781 VND)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Malibu (Giá trị: 44.257.203.635)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Construction volume, supply of goods, and services for the Malibu project (Value: 44,257,203,635 VND)	

					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền hợp đồng các dự án Hội An Do'r (Giá trị: 4.032.444.257)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Payment for contract amounts of the Hoi An Do'r projects (Value: 4,032,444,257 VND)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Hội An Do'r (Giá trị: 3.100.828.765)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Construction volume, supply of goods, and services for the Hoi An Do'r project (Value: 3,100,828,765 VND)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền hợp đồng các dự án Kingcrown Infinity (Giá trị: 48.969.058.932)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Payment for contract amounts of the Kingcrown Infinity projects (Value: 48,969,058,932 VND)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công, cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự án Kingcrown Infinity (Giá trị: 31.053.339.030)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Construction volume, supply of goods, and services for the Kingcrown Infinity project (Value: 31,053,339,030 VND)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Hàng hóa dịch vụ (Giá trị: 2.184.600)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Goods and services (Value: 2,184,600 VND)	
					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp và lắp đặt 12 thang máy PLHĐ: Bổ sung giá trị thi công hợp đồng số 02/2020/TRACODI-TCDT (Giá trị: 102.702.600)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply and installation of 12 elevators - Contract Appendix: Additional construction value of Contract No. 02/2020/TRACODI-TCDT (Value: 102,702,600 VND)	

					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp thiết bị IT Server switch. PLHĐ điều chỉnh giá hợp đồng số 0110/2021/HĐMHH/TCD-TCDDT (Giá trị: 57.296.085)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply of IT equipment - Server switch. Contract appendix adjusting the contract value of Contract No. 0110/2021/HĐMHH/TCD-TCDDT (Value: 57,296,085 VND)	
					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp Switch wifi. PLHĐ điều chỉnh giá hợp đồng số 1711/2021/HĐMHH/AVTECH/TCD-TCDDT (Giá trị: 401.583.221)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply of Wi-Fi switches - Contract appendix adjusting the contract value of Contract No. 1711/2021/HĐMHH/AVTECH/TCD-TCDDT (Value: 401,583,221 VND)	
					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Lắp đặt và cấu hình IT. PLHĐ điều chỉnh giá hợp đồng số 0704/2022/HĐCCLĐ/AVTECH/TCD-TCDDT (Giá trị: 80.113.698)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	IT installation and configuration - Contract appendix adjusting the contract value of Contract No. 0704/2022/HĐCCLĐ/AVTECH/TCD-TCDDT (Value: 80,113,698 VND)	
					Tháng 03/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp lắp đặt máy phát điện hạ tầng 1600KVA cùng hệ bơm dầu, cách âm, thoát khí. PLHĐ điều chỉnh VAT hợp đồng số 2510/2021/HĐCCLĐ-STDT/TCD-TCDDT (Giá trị: - 86.079.000)	
					March, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply and installation of 1600KVA power generator with oil pump system, soundproofing, and ventilation system - Contract appendix adjusting VAT of Contract No. 2510/2021/HĐCCLĐ-STDT/TCD-TCDDT (Value: -86,079,000 VND)	

					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp và lắp đặt cửa sắt chống cháy PLHĐ05: Bổ sung giá trị (Giá trị: 11.786.313)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply and installation of fireproof steel doors - Appendix 05: Additional value (Value: 11,786,313 VND)	
					Tháng 01/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh vật liệu hoàn thiện trạm điện 1 (Giá trị: -840,000)	
					January, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment of finishing materials for Substation 1 (Value: -840,000 VND)	
					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh thiết kế thi công mái che và lam trang trí - cảnh quan nhà hàng tầng 2 zone 6 (Giá trị: -338,696,672)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment of design for the construction of the canopy and decorative louvers - Restaurant second floor, Zone 6 (Value: -338,696,672 VND)	
					Tháng 05/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Phụ lục Bổ sung VO 16, 17, 18, 19 hợp đồng 1501/2021/HĐTC/TCD-TCDT (Giá trị: 1.201.222.754)	
					May, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Appendix for VO 16, 17, 18, 19 - Contract No. 1501/2021/HĐTC/TCD-TCDT (Value: 1,201,222,754 VND)	
					Tháng 04/2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Phát sinh một số hạng mục hoàn thiện, nội thất các căn 2 phòng ngủ và tháo dỡ, sản xuất lắp đặt lại vách đầu giường và đèn trang trí do nước chảy từ trần làm hư hại hợp đồng 2009/2021/HĐTC/TCD-TCDT (Giá trị: 350.310.237)	
					April, 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Additional items for finishing and interior work for two-bedroom units, and dismantling, manufacturing, and reinstalling headboard partitions and decorative lighting due to water damage from ceiling leaks - Contract	

							No. 2009/2021/HĐTC/TCD-TCDT (Value: 350,310,237 VND)	
7	Công ty TNHH Indochina Hoi An Beach Villas Indochina Hoi An Beach Villas Comany Limited	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 4000435375 Ngày cấp/ Date of issue: 22/02/2006 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Quảng Nam/ Quang Nam DPI.	Khối 1 - Phường Điện Dương - Thị Xã Điện Bàn - Quảng Nam/Block 1, Dien Duong Ward, Dien Ban Town, Quang Nam Province	06 tháng 2025	30/2018/BB- HĐQT-TCD ngày 18/06/2018	Lãi hợp tác kinh doanh số tiền 4.165.479.452	
					The first 6 months of 2025	30/2018/BB-HĐQT- TCD, dated June 18th, 2018	Business cooperation profit (Amount: 4,165,479,452)	
					06 tháng 2024 The first 6 months of 2024	30/2018/BB- HĐQT-TCD ngày 18/06/2018 30/2018/BB-HĐQT- TCD, dated June 18th, 2018	Khối lượng thi công dự án Malibu (Giá trị: 112.524.946.174)	
							Construction volume of the Malibu project (Value: 112,524,946,174 VND)	
8	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 B.O.T DT 830 Co., Ltd.	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 1101834236 Ngày cấp/ Date of issue: 27/10/2016 Nơi cấp/ Place of issue: Sở kế hạch đầu tư Long An/Long An DPI.	32A/3 Ấp 3, Xã An Thanh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An/32A/3 Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province	06 tháng 2025	56/2023/NQ- HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Doanh thu quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 1.364.084.577)	
					The first 6 months of 2025		Regular management and maintenance (Amount: 1,364,084,577)	
					06 tháng 2025		Thu tiền phí quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 1.473.211.343)	
					The first 6 months of 2025		Collecting regular management and maintenance fees of BOT 830 (Amount: 1,473,211,343)	
					06 tháng 2024 The first 6 months of 2024	56/2023/NQ- HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Doanh thu quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 757.949.363)	
							Management and maintenance revenue (Value: 757,949,363 VND)	
							Thu tiền phí quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 3.069.576.984)	
							Collection of management and maintenance fees (Value: 3,069,576,984 VND)	
							Doanh thu quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 747.593.572)	

							Management and maintenance revenue (Value: 747,593,572 VND)	
							Thu tiền phí quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 747.593.572)	
							Collection of management and maintenance fees (Value: 747,593,572 VND)	
							Khối lượng thi công trùng tu BOT 830 (Giá trị: 19.642.872.321)	
							Restoration construction volume (Value: 19,642,872,321 VND)	
							Thu tiền trùng tu BOT 830 (Giá trị: 18.760.728.705)	
							Collection of refurbishment fees (Value: 18,760,728,705 VND)	
9	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	Công ty con Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0301465425 Ngày cấp/ Date of issue: 24/10/2008 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư TP.HCM/ HCMC DPI.	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM/Lot IV - 15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City	06 tháng 2025 The first 6 months of 2025	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023 Resolution No. 19/2023 of BOD dated March 30, 2023	Phí dịch vụ (Giá trị: 952.000)	
							Service fee (Amount: 952,000)	
							Thanh toán phí dịch vụ (Giá trị: 41.771.440)	
							Payment of service fee (Amount: 41,771,440)	
							Trích lập Dự phòng Vina Taxi 242.965.098	
							Provision for Vina Taxi: 242,965,098	
					06 tháng 2024 The first 6 months of 2024	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023 19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30, 2023	Tạm ứng hợp đồng thi công xây dựng sửa chữa mái (Giá trị: 1.789.506.000)	
							Advance payment for roof repair and construction contract (value: 1,789,506,000 VND)	
							Phí dịch vụ (Giá trị: 29.102.640)	
							Service Fee (Value: 29,102,640 VND)	
Thanh toán phí dịch vụ (Giá trị: 19.963.400)								
2024		Payment of Service Fee (Value: 19,963,400 VND)						
10	Công ty cổ phần Thăng Phương	Tổ chức liên quan người	ĐKKD/NSH No.: 0304371285	Tầng 19, Khu Văn Phòng Tòa Nhà	06 tháng 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày	Lãi hợp tác kinh doanh (Giá trị: 13.966.257.534)	

	Thang Phuong Joint Stock Company.	nội bộ Công ty Subsidiary company	Ngày cấp/ Date of issue: 25/04/2006 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư TP.HCM/HCMC DPI.	Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM/19th Floor, Indochina Office Building, 4 Nguyen Dinh Chieu Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City	The first 6 months of 2025	11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Business cooperation profit (Amount: 12,966,257,534)	
					06 tháng 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Lãi hợp tác kinh doanh (Giá trị: 14.043.419.178)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Profit from Business Partnership (Value: 14,043,419,178 VND)	
					2024		Thu tiền lãi hợp tác kinh doanh (Giá trị: 11.700.000.000)	
					2024		Collection of Business partnership profit (Value: 11,700,000,000 VND)	
11	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA AAA Insurance Corporation	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 30GP/KDBH Ngày cấp/ Date of issue: 28/02/2005 Nơi cấp/ Place of issue: Bộ Tài chính/Minister of Finance	10-12 Đường số 52 - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Thành phố Thủ Đức - TP. HCM/10-12 Street No. 52 - Thanh My Loi Ward - Thu Duc City - Ho Chi Minh City	06 tháng 2025 The first 6 months of 2025	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 Resolution No. 56/2023 of BOD dated August 11, 2023	Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự, vật chất (Giá trị: 25.942.300) Insurance premiums for liability, property (Amount: 25,942,300) Thanh toán phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự (Giá trị: 1.474.100) Payment of insurance premiums for liability (Amount: 1,474,100)	
					06 tháng 2024 The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự, vật chất, sức khỏe (Giá trị: 136.595.300) Insurance Premium for Civil Liability, Property, and Health (Value: 136,595,300 VND) Thanh toán phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự, vật chất, sức khỏe (Giá trị: 74.309.100) Payment of insurance premium for Civil Liability, Property, and Health (Value: 74,309,100 VND)	
12	Công ty cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty	ĐKKD/NSH No.: 4101483255 Ngày cấp/ Date of issue: 16/03/2017	QL1D, khu phố I, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình	06 tháng 2024 The first 6	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023 56/2023/NQ-	Dịch vụ cho thuê phòng (Giá trị: 27.500.000) Room rental service (Value: 27,500,000 VND)	

	Casa Marina Resort Travel JSC	Subsidiary company	Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT tỉnh Bình Định/ Binh Dinh DPI.	Định/Highway 1D, Quarter I, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province	months of 2024	HDQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Thanh toán tiền thuê phòng (Giá trị: 143.374.976) Payment for Room Rental (Value: 143,374,976 VND) Dịch vụ phát sinh (Giá trị: 4.053.000) Incidental Services (Value: 4,053,000 VND) Chi phí điện phát sinh tại dự án (Giá trị: 389.244.002) Incidental Electricity costs at the project (Value: 389,244,002 VND) Hoàn trả tạm ứng (Giá trị: 7.900.000.000) Reimbursement of Advance Payment (Value: 7,900,000,000 VND)	
13	Công ty TNHH Một thành viên Đá Suối Kiết Suoi Kiet Stone One Member Company Limited	Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0315080425 Ngày cấp/ Date of issue: 01/06/2008 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Bình Thuận/Binh Thuan DPI.	1A Lê Duẩn, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận/1A Le Duan Street, Phong Nam Commune, Phan Thiet City, Binh Thuan Province	06 tháng đầu năm 2025 The first 6 months of 2025	59/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 30/08/2023 Resolution No. 59/2023 of BOD dated August 30, 2023	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh (Giá trị: 2.550.000.000) Transfer of business cooperation funds (Amount: 2,550,000,000)	
					06 tháng 2024	59/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 30/08/2023	Chuyển tiền hợp tác kinh doanh (Giá trị: 25.650.000.000)	
					The first 6 months of 2024	56/2023/NQ-HDQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Transfer of Business partnership funds (Value: 25,650,000,000 VND)	
14	CTCP 3K Plus Việt Nam 3K Plus Viet Nam Joint Stock Company.	Công ty liên doanh/liên kết Affiliated Company	ĐKKD/NSH No.: 0401981631 Ngày cấp/ Date of issue: 10/06/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT TP. Đà Nẵng/Da Nang DPI.	43 Phan Bội Châu, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng/43 Phan Boi Chau, Thach Thang Ward, Hai Chau District, Da Nang City	Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HDQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công kè mềm gia cố mái taluy từ cọc 35-62 (R49-R65): Trị giá 2.585.964.188	
					March, 2024	19/2023/NQ-HDQT-TCD, dated March 30th, 2023	Contract for soft embankment construction and slope reinforcement from pile 35-62 (R49-R65): Value 2,585,964,188 vnd	

					Tháng 06/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Quyết toán, điều chỉnh VAT, tỉ lệ giữ lại bổ sung 1006/2021/HĐTC/TCD-3K Trĩ giá 11.181.318.878	
					Jun-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Final settlement, VAT adjustment, additional retention ratio 1006/2021/HĐTC/TCD-3K: Value 11,181,318,878 VND	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Quyết toán, điều chỉnh VAT, tỉ lệ giữ lại bổ sung 1901/2022/HĐTC/TCD-3K Trĩ giá 6.210.518.373	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Final settlement, VAT adjustment, additional retention ratio 1901/2022/HĐTC/TCD-3K: Value 6,210,518,373 VND	
					Tháng 06/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Quyết toán, điều chỉnh VAT, tỉ lệ giữ lại bổ sung 3012/2020/HĐTC/TCD-3K Trĩ giá 14.019.466.353	
					Jun-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Final settlement, VAT adjustment, additional retention ratio 3012/2020/HĐTC/TCD-3K: Value 14,019,466,353 VND	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Quyết toán, điều chỉnh VAT, tỉ lệ giữ lại bổ sung 1/0401/2021/HĐTC/TCD-3K Trĩ giá 2.490.770.742	
					March, 2024	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Final settlement, VAT adjustment, additional retention ratio 1/0401/2021/HĐTC/TCD-3K: Value 2,490,770,742 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Khối lượng thi công dự án Malibu trĩ giá 20.293.905.426	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Construction volume for Malibu Project: Value 20,293,905,426 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Khối lượng thi công dự án Cồn Bắp trĩ giá 8.310.492.401	

					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Construction Volume for Con Bap Project: Value 8,310,492,401 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền khối lượng thi công dự án Malibu _ Trị giá 26.121.519.202	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for Construction Volume of Malibu Project: Value 26,121,519,202 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền khối lượng thi công dự án Amor Garden _ Trị giá 26.121.519.202	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for Construction Volume of Amor Garden Project: Value 26,121,519,202 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền khối lượng thi công dự án Côn Bắp _ Trị giá 11.925.169.446	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for Construction Volume of Con Bap Project: Value 11,925,169,446 VND	
					Tháng 11/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Phụ lục 10 điều chỉnh giá trị hợp đồng số 1207/2022/HĐTC/MALIBU/TCD-3KPLUS _ Trị giá 3.096.979.987	
					Nov-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Annex 10 Adjusting Contract Value No. 1207/2022/HĐTC/MALIBU/TCD-3KPLUS: Value 3,096,979,987 VND	
					Tháng 11/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh giá trị hợp đồng số 03.01/2023/HĐTC/TCD-3K _ Trị giá 720.880.941	
					Nov-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment of Contract Value No. 03.01/2023/HĐTC/TCD-3K: Value 720,880,941 VND	
					Tháng 09/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thi công kéo lại dây điện dự án Malibu 2402/2023/HĐTC/MALIBU/TCD-3K _ Trị giá 404.958.098	

					Sept-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Electrical Cable Reinstallation for Malibu Project 2402/2023/HĐTC/MALIBU/TCD-3K: Value 404,958,098 VND	
15	CTCP Indoba Trading Indoba Trading JSC	Cùng thành viên Ban điều hành Same members of the Executive Board	ĐKKD/NSH No.: 0315989450 Ngày cấp/ Date of issue: 30/10/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM/89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán khối lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho dự án King Crown Thảo Điền, Dự án Malibu, Dự án Casa Mũi Né, Dự án KingCrown Infinity, Dự án Cồn Bắp... Trị giá 393.258.833.707	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Payment for Goods and Services Supplied to King Crown Thao Dien Project, Malibu Project, Casa Mui Ne Project, KingCrown Infinity Project, Con Bap Project, etc.: Value 393,258,833,707 VND	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Khối lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho dự án King Crown Thảo Điền, Dự án Malibu, Dự án Casa Mũi Né, Dự án KingCrown Infinity, Dự án Cồn Bắp... Trị giá 173.782.464.700	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Goods and Services Supplied to King Crown Thao Dien Project, Malibu Project, Casa Mui Ne Project, KingCrown Infinity Project, Con Bap Project, etc.: Value 173,782,464,700 VND	
					Tháng 05/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công bảng hiệu giai đoạn cảnh quan giai đoạn 1 _ Trị giá 988.081.432	
					May-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for Signage Construction – Landscape Phase 1: Value 988,081,432 VND	
					Tháng 06/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công đá bazan các căn Shophouse _ Trị giá 490.163.549	
					Jun-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for Basalt Stone Construction for Shophouse Units: Value 490,163,549 VND	

					Tháng 05/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng cung cấp nệm lò xo túi _ Trị giá 42.211.785	
					May-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for Supply of Pocket Spring Mattresses: Value 42,211,785 VND	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công hoàn thiện cầu thang ngoài nhà, thi công đá khu ghế ngồi sunken - villa_ Trị giá 206.177.575	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for completion of staircase and stone work for sunken seating area – villa: value 206,177,575 vnd	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công sơn hiệu ứng bê tông vị trí ô cầu thang khu villas_ Trị giá 1.247.671.523	
					Mar-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for concrete effect painting at staircase shaft location in villas area (value: 1,247,671,523 vnd)	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công hoàn thiện sàn seafood và skybar khối condotel_ Trị giá 243.358.500	
					Mar-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for completion of seafood floor and skybar in condotel block (value: 243,358,500 vnd)	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng cung cấp lan can kính, vách ngăn khu BOH, tầng 1,2,3 khối Condotel_ Trị giá 814.028.54	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023	Contract for supply of glass railing and partition walls for boh area, floors 1, 2, 3 in Condotel block_ Value: 814,028.54 vnd)	
					Tháng 05/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Hợp đồng thi công công tác trần khu BOH_ Trị giá 770.888.001	
					May 20223	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Contract for Ceiling Works in the BOH Area – Contract Value: 770,888,001 VND	

					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh đơn giá, giá trị hợp đồng, tiến độ, điều khoản thanh toán 2004/2021/HĐTCLĐ/TCD-TCDT-PL11 Trị giá 2.008.607.361	
					March 20223	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of Unit Price, Contract Value, Progress, Payment Terms - 2004/2021/HĐTCLĐ/TCD-TCDT-PL11 – Contract Value: 2,008,607,361 VND	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, điều khoản thanh toán SEARA22-01/TCD-TCDT_ Trị giá 32.448.864	
					March 20223	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of VAT and Payment Terms - SEARA22-01/TCD-TCDT - Contract Value: 32,448,864 VND	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, điều khoản thanh toán 20220904/HĐMHH/ĐH/TCD-TCDT_ Trị giá 17.405.178	
					March 20223	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of VAT and Payment Terms - 20220904/HĐMHH/ĐH/TCD-TCDT - Contract Value: 17,405,178 VND	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, điều khoản thanh toán 20220904/HĐMHH/ĐH-BUFFETWARE/TCD-TCDT_ Trị giá 36.670.524	
					March 20223	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of VAT and Payment Terms - 20220904/HĐMHH/ĐH-BUFFETWARE/TCD-TCDT - Contract Value: 36,670,524 VND	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, điều khoản thanh toán 20221605/HĐMHH/ĐHGLASSWARE/TCD-TCDT_ Trị giá 29.475.419	
					Mar-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of VAT and Payment Terms - 20221605/HĐMHH/ĐHGLASSWARE/TCD-TCDT - Contract Value: 29,475,419 VND	

					Tháng 05/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, bổ sung phí lưu kho, điều khoản thanh toán 20220704/2022/HĐMHH/AP/TCD-TCDT Trị giá 41.654.697	
					May-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of VAT, Addition of Storage Fees, and Payment Terms - 20220704/2022/HĐMHH/AP/TCD-TCDT - Contract Value: 41,654,697 VND	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh giá trị HĐ 20220704/2022/HĐMHH/AP/TCD-TCDT Trị giá (7.820.311)	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of contract value for contract No. 20220704/2022/HĐMHH/AP/TCD-TCDT, valued at (7,820,311) VND.	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh hàng hóa và VAT 20220704/HĐMHH/DD-TCD-TCDT Trị giá 14.413.197	
					April 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment of goods and VAT for contract No. 20220704/HĐMHH/DD-TCD-TCDT, valued at 14,413,197 VND.	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, tiền độ 20220704/HĐMHH/HV/TCD-TCDT Trị giá 170.066.299	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	VAT adjustment and schedule for contract No. 20220704/HĐMHH/HV/TCD-TCDT, valued at 170,066,299 VND.	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT, điều khoản thanh toán 20221404/HĐMHH/AD/TCD-TCDT Trị giá 69.308.547	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	VAT adjustment and payment terms for contract No. 20221404/HĐMHH/AD/TCD-TCDT, valued at 69,308,547 VND.	

					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh giảm giá trị HĐ 20221105/HĐMHH/SNT/TCD-TCDT Trị giá (656.006.400)	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	Adjustment to decrease the contract value for contract No. 20221105/HĐMHH/SNT/TCD-TCDT, valued at (656,006,400) VND.	
					Tháng 04/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT 20221606/HĐMHH/HAFELE/TCD-INB Trị giá 9.673.051	
					Apr-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	VAT adjustment for contract No. 20221606/HĐMHH/HAFELE/TCD-INB, valued at 9,673,051 VND.	
					Tháng 03/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh VAT 20220306/HĐMHH/TL/TCD-TCDT Trị giá (60.602.580)	
					March 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023.	VAT adjustment for contract No. 20220306/HĐMHH/TL/TCD-TCDT, valued at (60,602,580) VND.	
					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thay thế vật tư hư hỏng cho 12 thang máy _ trị giá 535.642.800	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Replacement of damaged materials for 12 elevators, valued at 535,642,800 VND.	
					Tháng 08/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh giá trị hợp đồng 20221404/HĐMHH/QIN/TCD-TCDT Trị giá 2.945.400.624	
					Aug-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment of contract value for contract No. 20221404/HĐMHH/QIN/TCD-TCDT, valued at 2,945,400,624 VND.	
					Tháng 08/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh tiến độ, điều chỉnh thanh toán, điều chỉnh giá trị HĐ 10032022/HĐMHH/HH/TCD-TCDT Trị giá 2.975.892.682	
					Aug-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment of schedule, payment terms, and contract value No.	

							10032022/HĐMHH/HH/TCD-TCDT, valued at 2,975,892,682 VND.	
					Tháng 10/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Gia hạn tiến độ, điều chỉnh giá trị HĐ số 20220704/HĐMHH/HV/TCD-TCDT _Trị giá 5.492.615.163	
					Oct-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Extension of the schedule and adjustment of the contract value No. 20220704/HĐMHH/HV/TCD-TCDT, valued at 5,492,615,163 VND.	
					Tháng 10/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh giá trị hợp đồng số 1804/2022/HĐTC/3K/TCD-TCDT _Trị giá 995.799.420	
					Oct-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment to the contract value No. 1804/2022/HĐTC/3K/TCD-TCDT, valued at 995,799,420 VND	
					Tháng 10/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Điều chỉnh giảm hợp đồng số 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB _Trị giá 125.644.839	
					Oct-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Adjustment to decrease contract No. 0606/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IDB, valued at 125,644,839 VND.	
					Tháng 07/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng số 2511/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IBD _Trị giá 26.535.600	
					Jul-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Adjustment to decrease the contract value No. 2511/2022/HĐTC/HAD/CXP/TCD-IBD, valued at 26,535,600 VND.	
16	Công ty Taxi Việt Nam Vietnam Taxi CO., Ltd.	Công ty con Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0301465425 Ngày cấp/ Date of issue: 24/10/2008 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP. HCM/ HCMC DPI.	Lô IV-15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM/ Lot IV - 15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu	Tháng 05/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thi công sửa chữa văn phòng và nhà xưởng _ Trị giá 5.000.000.000	
					May-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Construction and repair of office and factory, valued at 5,000,000,000 VND.	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền dịch vụ _Trị giá 30.539.750	

				District, Ho Chi Minh City	2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for services, valued at 30,539,750 VND.	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Chi phí dịch vụ phát sinh _ Trị giá 45.605.750	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Incidental service costs, valued at 45,605,750 VND.	
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền tạm ứng thi công _ Trị giá 2.200.000.000	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment of construction advance, valued at 2,200,000,000 VND.	
17	Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên <i>Thanh Nguyen energy investment and development company limited</i>	Công ty liên doanh liên kết <i>Affiliated Company</i>	ĐKKD/NSH No.: 5901023749 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 04/12/2015 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai/ <i>Gia Lai D.P.I.</i>	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai <i>Chu Jut Village, Chu Gu Commune, Krong Pa District, Gia Lai Province, Vietnam</i>	06 tháng đầu năm 2025 The first 6 months of 2025	34/2024/NQ-HĐQT-TCD ngày 25/06/2024 34/2024/NQ-HĐQT-TCD dated June 25, 2024	Thanh toán tiền thi công dự án Krong Pa 2 số tiền 2.000.000.000 <i>Payment for contruction volumn of Kong Pa 2 project amount 2,000,000,000</i> Trích lập Dự phòng Thành Nguyên 573.437.138 <i>Provision for financial investment losses – Thanh Nguyen: VND 573,437,138</i>	
18	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển năng lượng Thành Nguyên <i>Energy Investment and Development Company Limited</i>	Công ty liên doanh/liên kết <i>Affiliated Company</i>	ĐKKD/NSH No.: 5901023749 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 04/12/2015 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Gia Lai/ <i>Gia Lai DPI.</i>	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam/ <i>Chu Jut, Chu Gu Commune, Krong Pa District, Gia Lai Province, Vietnam</i>	Tháng 05/2023 May-23 Năm 2023 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023 19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023 19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023 19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Điều chỉnh tăng giá trị HĐ (Thay đổi VAT) Trị giá 3.149.958.798 <i>Adjustment to increase contract value (VAT change), valued at 3,149,958,798 VND.</i> Khối lượng thi công dự án Krong Pa 2 _ Trị giá 162.099.830.102 <i>Construction work volume for the Krong Pa 2 project, valued at 162,099,830,102 VND.</i>	

					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán khối lượng thi công _ Trị giá 5.000.000.000
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for construction work, valued at 5,000,000,000 VND.
19	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security Truong Thanh Dai Nam Guardian Security Services JSC.	Người nội bộ của Công ty mẹ Internal personnel of the parent company	ĐKKD/NSH No.: 0312727337 Ngày cấp/ Date of issue: 04/07/2014 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP. HCM/ HCMC DPI.	89 Cách mạng tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	Tháng 06/2023	43/2023/NQ-HĐQT-TCD Ngày 14/06/2023	Hợp đồng mua bán _ Trị giá 556.289.341
					Jun-23	43/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated June 14th, 2023	Sales contract, valued at 556,289,341 VND.
20	CTCP Skylar Skylar Joint Stock Company	Người nội bộ Internal personnel	ĐKKD/NSH No.: 0316031692 Ngày cấp/ Date of issue: 21/11/2019 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP HCM/ HCMC DPI.	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM/ 27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Doanh thu hợp đồng thi công _ Trị giá 84.294.864.832
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Revenue from construction contract, valued at 84,294,864,832 VND.
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán khối lượng thi công _ Trị giá 3.03.000.000
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for construction work, valued at 3,030,000,000 VND.
21	CTCP Du lịch Casa Marina Resort Casa Marina Resort Travel JSC	Người nội bộ Internal personnel	ĐKKD/NSH No.: 4101483255 Ngày cấp/ Date of issue: 16/03/2017 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT tỉnh Bình Định/ Binh Dinh DPI.	QL1D, khu phố I, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam/ Highway 1D, Quarter I, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province	Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Cung cấp dịch vụ _ trị giá 393.466.720
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Provision of services, valued at 393,466,720 VND.
					Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thanh toán tiền dịch vụ trị giá 10.800.000
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Payment for services, valued at 10,800,000 VND.

22	Công ty TNHH Indochina Hoi An Beach Villas <i>Indochina Hoi An Beach Villas Company Limited</i>	Người nội bộ <i>Internal personnel</i>	ĐKKD/NSH No.: 4000435375 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 12/07/2008 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam/ <i>Quang Nam DPI</i> .	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam/ <i>Block 1, Dien Duong Ward, Dien Ban Town, Quang Nam Province</i>	Năm 2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Thu tiền hợp đồng thi công _ Trị giá 815.981.740.063	
					2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Collection of payment for construction contract, valued at 815,981,740,063 VND.	
					Tháng 12/2023	19/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/03/2023	Khối lượng thi công _ Trị giá 227.144.859.997	
					Dec-23	19/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated March 30th, 2023	Construction work volume, valued at 227,144,859,997 VND.	
23	Công Ty TNHH Tracodi E&C <i>Tracodi E&C Company limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0317828674 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 11/05/2023 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TP HCM/ <i>HCMC DPI</i> .	89 Cách mạng tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ <i>89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City</i>	Tháng 08/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cung cấp và lắp đặt hệ thống đèn exit, chiếu sáng khẩn từ tầng hầm B1 đến B5 _ Trị giá 381.805.512	
					Aug-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Supply and installation of exit lighting system and emergency lighting from basement levels B1 to B5, valued at 381,805,512 VND.	
					Tháng 11/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cải tạo, di dời Eximbank Đa Kao (Tên mới Eximbank Phan Văn Trị) _ trị giá 2.426.925.613	
					Nov-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Renovation and relocation of Eximbank Đa Kao (now Eximbank Phan Van Tri), valued at 2,426,925,613 VND.	
					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Eximbank Phước Long _ Trị giá 1951355788	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Renovation and repair of Eximbank Phuoc Long branch, valued at 1,951,355,788 VND.	
					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Sửa chữa cơ sở hạ tầng trụ sở Eximbank Hòa Bình Trị giá 106.901.845	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Repair of infrastructure at Eximbank Hoa Binh branch, valued at 106,901,845 VND.	

					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Sửa chữa, cải tạo Eximbank Thị Nghè _ Trị giá 1.649.178.894	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Renovation and repair of Eximbank Thi Nghe, valued at 1,649,178,894 VND.	
					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Sửa chữa, cải tạo Eximbank Sư Vạn Hạnh _ Trị giá 2.883.407.718	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Renovation and refurbishment of Eximbank Su Van Hanh, valued at 2,883,407,718 VND.	
					Tháng 09/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thuê xe ô tô _ Trị giá 33.000.000	
					Sept-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Car rental, valued at 33,000,000 VND.	
					Năm 2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền khối lượng và tạm ứng hợp đồng _ Trị giá 7.114.243.473	
					2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Payment for work completed and contract advance, valued at 7,114,243,473 VND.	
					Tháng 12/2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Khối lượng thi công hoàn thành _ Trị giá 238.901.950	
					Dec-23	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Completed construction work, valued at 238,901,950 VND.	
24	Công ty TNHH MTV Mỏ Đá Suối Kiết Suoi Kiet Stone One Member Company Limited	Người nội bộ Internal personnel	ĐKKD/NSH No.: 0315080425 Ngày cấp/ Date of issue: 01/06/2008 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Bình Thuận/Binh Thuan DPI.	1A Lê Duẩn, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận/ 1A Le Duan Street, Phong Nam Commune, Phan Thiet City, Binh Thuan Province	2024	59/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/08/2023	Đầu tư dự án khai thác chế biến mỏ đá xây dựng Núi Kiết _ Trị giá 150.000.000.000	
						59/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Investment in the Nui Kiet construction stone quarrying and processing project, valued at 150,000,000,000 VND.	

					Năm 2023	59/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 30/08/2023	Chuyển tiền hợp tác đầu tư xây dựng mỏ đá Trị giá 25.004.000.000	
					2023	59/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Transfer of funds for investment cooperation in quarry construction, valued at 25,004,000,000 VND.	
25	CTCP Bamboo Capital Bamboo Capital Group Joint Stock Company	Công ty mẹ Parent company	ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ Date of issue: 11/7/2011 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM/ 27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	2024		Thanh toán dịch vụ - Trị giá 5.760.000.000	
							Payment for services, valued at 5,760,000,000 VND.	
					Tháng 10/2023	73/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 05/10/2023	Vay vốn trị giá 150.000.000.000	
					Oct-23	73/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated October 5, 2023	Loan capital valued at 150,000,000,000 VND.	
					2024	73/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 05/10/2023	Chuyển tiền vay trị giá 31.600.000.000	
					2024	73/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated October 5, 2023	Transfer of loan amounting to 31,600,000,000 VND.	
26	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang Antraco Joint Venture Company LTD	Công ty con Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 1600175162 Ngày cấp/ Date of issue: 20/09/1994 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT An Giang/ An Giang DPI.	Ấp Lò Rềng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang/ Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province	2024		Cổ tức _ Trị giá 10.639.429.500	
							Nhận tiền phân phối lợi nhuận _ Trị giá 4.283.450.673	
							Dividend, valued at 10,639,429,500 VND. Receipt of profit distribution, valued at 4,283,450,673 VND.	
27	Công ty Cổ phần TCD Plus TCD Plus Joint Stock Company.	Công ty con Subsidiary company	ĐKKD/NSH No.: 0317111679 Ngày cấp/ Date of issue: 07/01/2022 Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh/ 89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City	2024	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Doanh thu phí dịch vụ _ Trị giá 75.000.000	
						56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	Service fee revenue, valued at 75,000,000 VND.	

28	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm AAA <i>AAA Insurance Corporation</i>	Người nội bộ <i>Internal personnel</i>	ĐKKD/NSH No.: 0303705665 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 28/03/2005 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ <i>HCMC DPI</i> .	10-12 Đường số 52 - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Thành phố Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh/ <i>10-12 Street No. 52 - Thanh My Loi Ward - Thu Duc City - Ho Chi Minh City</i>	Năm 2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Bảo hiểm TNDS, Tai Nạn, Vật chất ô tô 3 xe Trị giá 343.515.494	
					2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	<i>Liability, accident, and vehicle insurance for 3 cars, valued at 343,515,494 VND.</i>	
					Năm 2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thanh toán tiền bảo hiểm trị giá 326.665.294	
					2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	<i>Payment of insurance premium, valued at 326,665,294 VND.</i>	
29	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 <i>B.O.T DT 830 Co., Ltd.</i>	Người nội bộ <i>Internal personnel</i>	ĐKKD/NSH No.: 1101834236 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 27/10/2016 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT Long An/ <i>Long An DPI</i> .	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An/ <i>32A/3 Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province</i>	Năm 2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên trị giá 3.016.030.735	
					2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	<i>Management and regular maintenance, valued at 3,016,030,735 VND.</i>	
					Năm 2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 11/08/2023	Thu tiền quản lý và bảo dưỡng thường xuyên trị giá 1.410.072.718	
					2023	56/2023/NQ-HĐQT-TCD, dated August 11th, 2023.	<i>Collection of management and regular maintenance fees, valued at 1,410,072,718 VND.</i>	
30	Công ty Cổ phần BCG Financial <i>BCG Financial Joint Stock Company</i>	Người nội bộ <i>Internal personnel</i>	ĐKKD/NSH No.: 0316371297 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 07/07/2020 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ <i>HCMC DPI</i> .	26 Đường số 40, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM/ <i>26 Street No. 40, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>	Năm 2023	08/2022/NQ-HĐQT-TCD ngày 20/01/2022	Thu hoàn tiền gốc và tiền lãi hợp tác kinh doanh _ Trị giá 135.252.383.560	
					2023	08/2022/NQ-HĐQT-TCD, dated January 20, 2022	<i>Repayment of principal and interest from business partnership, valued at 135,252,383,560 VND.</i>	
31	CTCP Bamboo Capital <i>Bamboo Capital Group Joint Stock Company</i>	Công ty mẹ <i>Parent company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 11/7/2011 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM/ <i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>	06 tháng 2022		Hợp đồng dịch vụ tư vấn trị giá 3.465.364.916	Hợp đồng ký năm 2020 <i>Contract signed</i>
					The first 6 months of 2022		<i>Consulting service agreement valued at 3,465,364,916 VND.</i>	



			TPHCM/ HCMC DPI.					<i>in 2020</i>
32	CTCP Bamboo Capital <i>Bamboo Capital Group Joint Stock Company</i>	Công ty mẹ <i>Parent company</i>	ĐKKD/NSH No.: 0311315789 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 11/7/2011 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM/ 27C <i>Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>	Tháng 11/2022	Nghị quyết 51/2022/NQ-HĐQT-TCD	Hợp đồng vay trị giá 70.000.000.000	
					Nov-22	Resolution No. 51/2022/NQ-HĐQT-TCD	Loan contract valued at 70,000,000,000 VND.	
33	CTCP đầu tư và dịch vụ Helios <i>Helios Service and Investment Joint Stock Company</i>	Cổ đông lớn <i>Major shareholder</i>	ĐKKD/NSH No.: 0311656651 Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 22/03/2012 Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM/ HCMC DPI.	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố HCM /89 <i>Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City</i>	Tháng 06/2022	Nghị quyết 44/2022/NQ-HĐQT-TCD	Bán cổ phần Công ty Công ty CP XK Lao Động Tracodi 6.900.000.000	
					Jun-22	Resolution No. 44/2022/NQ-HĐQT-TCD	Sale of shares in Tracodi Labor Export Joint Stock Company, valued at 6,900,000,000 VND.	



PHỤ LỤC 5 / APPENDIX 5

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	TK giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số giấy NSH ID	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỉ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Perce ntage</i>	Ghi chú <i>Note</i>
A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN										
1	Nguyễn Thanh Hùng		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>					5.851.116	1,74	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
1.01	Nguyễn Văn Viên									Bố ruột <i>Father</i>
1.02	Nguyễn Thị Hoàng Yến									Mẹ ruột <i>Mother</i>
1.03	Nguyễn Ngọc Minh An									Con ruột <i>Daughter</i>



1.04	Nguyễn Thanh Chi Lâm									Con ruột <i>Son</i>
1.05	Nguyễn Nhật Bảo									Con ruột <i>Son</i>
1.06	Nguyễn Ngọc Đài Trang									Em ruột <i>Sibling</i>
1.07	Nguyễn Xuân Phú									Em ruột <i>Sibling</i>
1.08	Nguyễn Quốc Trung									Em rể <i>Brother in-law</i>
1.09	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital <i>Bamboo Capital Group Joint Stock Company</i>			0311315789	07/11/2011	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP. HCM <i>27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>	147.419.520	43,90	TCLQ/ Phó CT điều hành thứ 2 <i>Second Vice Chairman of BOD</i>

1.10	Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Vật Liệu Xây Dựng An Giang <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>			1600175162	18/09/1998	Sở KHĐT An Giang <i>An Giang D.P.I.</i>	Áp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>			TCLQ/ CT HĐTV <i>Chairman of the Members' Council.</i>
1.11	CTCP XNK Cà Phê Đà Lạt <i>Datlat Coffee Import & Export JSC</i>			5801278408	16/07/2015	Sở KHĐT Lâm Đồng <i>Lam Dong D.P.I.</i>	Số 115, quốc lộ 20, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng <i>No. 115, National Road 20, Hiep Thanh Commune, Duc Trong District, Lam Dong Province.</i>			TCLQ/ TV BKS <i>Member of the Supervisory Board.</i>
1.12	Công ty TNHH Phoenix Mountain <i>Phoenix Mountain LTD</i>			4101605111	20/10/2021	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.</i>	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, Bình Định <i>National Road 1D, Area 2, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province.</i>			TCLQ/CT HĐTV <i>Chairman of the Members' Council</i>
1.13	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 <i>BCG Khai Long 1 Wind Power JSC</i>			2001279358	17/11/2017	Sở KHĐT Tỉnh Cà Mau <i>Ca Mau D.P.I.</i>	Áp Khai Long, Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau <i>Khai Long Hamlet, Dat Mui Commune, Ngoc Hien District, Ca Mau Province.</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>
1.14	CTCP BCG Land <i>BCG Land JSC</i>			0314922132	15/03/2018	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	22A Đường số 7, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM <i>22A Street No. 7, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/Phó CT điều hành HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>
2	Huỳnh Thị Kim Tuyền		Phó chủ tịch HĐQT/ <i>Vice Chairwom</i>					1.195.539	0,36	Người nội bộ <i>Internal persons</i>

			<i>an of the BOD</i>							
2.01	Huỳnh Phùng									Bố ruột (đã mất) <i>Father (pass away)</i>
2.02	Nguyễn Thị Biểu									Mẹ ruột <i>Mother</i>
2.03	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land <i>An Khang Land Service Trading Investment JSC</i>			0300383441	16/04/2004	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh <i>19 Street 11, Area 1, Linh Tay Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/ Phó CT HĐQT <i>Vice Chairman of the BOD</i>
2.04	CTCP BCG Land <i>BCG Land JSC</i>			0314922132	15/03/2018	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	22A Đường số 7, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM <i>22A Street No. 7, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/ PCT HĐQT <i>Vice Chairman of the BOD</i>
2.05	CTCP White Magnolia <i>White Magnolia JSC</i>			0313349977	15/07/2015	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/ CT HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>
2.06	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa (tên cũ: CTCP Tracodi Trading & Consulting) <i>Shuaa Investment and Trading Joint Stock Company</i>			0315989450	30/10/2019	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/ CT HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>

[illegible]

3.03	Trần Thị Thanh Thủy									<i>Vợ /Spouse</i>
3.04	Trần Nguyên Quỳnh Hương									<i>Con/Children</i>
3.05	Trần Nguyên Quốc Huy									<i>Con/Children</i>
3.06	Trần Nguyên Quỳnh Hân									<i>Con/Children</i>
3.07	Trần Nguyên Quốc Hy									<i>Con/Children</i>
3.08	Trần Nguyên Khôi									<i>Em ruột/ Siblings</i>

3.09	Trần Nguyên Trân									Em ruột/ <i>Siblings</i>
3.10	CTCP Kiến trúc- Kỹ thuật Xây dựng Sài Gòn <i>Sai Gon Architecture Technical Construction JSC.</i>			0313697501	15/03/2016	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Số 5, Đường số 27, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP.HCM <i>No. 5, Street 27, Ward 6, Go Vap District, Ho Chi Minh City</i>			TCLQ/Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>
4	Nguyễn Văn Bắc		TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>					300.080	0,09	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
4.01	Nguyễn Văn Ry									Bố (đã mất) <i>Father (deceased)</i>
4.02	Bà Trần Thị Khuong									Mẹ (đã mất) <i>Mother (deceased)</i>
4.03	Lê Đình chấp									Bố vợ (không liên hệ được) <i>Father-in-law (unreachable)</i>
4.04	Trần Thị Thắm									Mẹ vợ (Đã mất) <i>Mother-in-law (deceased)</i>

4.05	Nguyễn Văn Tuấn									Anh Trai <i>Sibling</i>
4.06	Nguyễn Trọng Khanh									Anh Trai <i>Sibling</i>
4.07	Nguyễn Thị Vinh									Chị gái <i>Sibling</i>
4.08	Nguyễn Văn Quang									Anh Trai <i>Sibling</i>
4.09	Nguyễn Tuấn Ninh									Anh Trai <i>Sibling</i>
4.10	Nguyễn Ánh Hồng									Anh Trai <i>Sibling</i>

4.11	Lê Thị Thu									Vợ <i>Spouse</i>
4.12	Nguyễn Tiến Bảo									Con trai <i>Children</i>
4.13	Nguyễn Lê Bảo Anh									Con gái <i>Children</i>
4.14	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 <i>B.O.T DT 830 Co., Ltd</i>			1101834236	27/10/2016	Sở KHĐT Tỉnh Long An <i>Long An D.P.I.</i>	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An <i>32A/3, Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province.</i>			TCLQ/ TV HĐTV kiêm GĐTC <i>Member of the BOD cum Diretor</i>
4.15	Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Vật Liệu Xây Dựng An Giang <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>			1600175162	20/09/1994	Sở KHĐT Tỉnh An Giang <i>An Giang D.P.I.</i>	Ấp Lò Ràng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>			TCLQ/TV BKS <i>Member of the SB</i>
4.16	CTCP TCD Plus <i>TCD Plus</i>			0317111679	07/01/2022	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh <i>89 Cách Mạng Tháng Tám, Ben Thanh Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/ TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>

4.17	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>			0301465425	24/10/2008	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Lô IV - 15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM <i>Lot IV - 15B Street No. 4 - Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC</i>			TTCLQ/ TVHĐTV <i>Member of the Member Council</i>
4.18	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa <i>Shuaa Investment and Trading JSC.</i>			0315989450	30/10/2019	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/ TV HĐQT kiêm TGD <i>Member of the BOD cum CEO</i>
4.19	CTCP Xuất khẩu lao động Tracodi <i>TRACODI Labour Export JSC</i>			0314385382	04/05/2017	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/ CT HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>
5	Đỗ Ngọc An		TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>					10.300	0,003 0	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
5.01	Nguyễn Thị Xuân									Mẹ ruột <i>Mother</i>
5.02	Đỗ Văn Định									Cha ruột <i>Father (deceased)</i>

5.03	Trần Viễn									Cha vợ/ <i>Father-in-law</i>
5.04	Đặng Thị Long									Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>
5.05	Trần Thị Thu Hương									Vợ / <i>Spouse</i>
5.06	Đỗ Ngọc Hương Linh									Con/ <i>Children</i>
5.07	Đỗ Ngọc Linh Chi									Con/ <i>Children</i>
5.08	Đỗ Ngọc Bảo									Anh trai/ <i>Sibling</i>

5.09	Đỗ Thị Thanh Nhân									Em gái/ <i>Sibling</i>
5.10	Trần Bảo Sơn									Anh vợ/ <i>Brother-in-law</i>
5.11	Trần Thị Thu Dung									Chị vợ/ <i>Sister-in-law</i>
5.12	Trần Bảo Giang									Anh vợ/ <i>Brother-in-law</i>
5.13	CTCP Tapiotek <i>Tapiotek JSC</i>			3901277274	30/01/2019	Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh <i>Tay Ninh D.P.</i>	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh <i>Group 7, Area 4, Chau Thanh Town, Chau Thanh District, Tay Ninh Province</i>			TCLQ/TV BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>
5.14	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>			0301465425	24/10/2008	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Lô IV - 15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM <i>Lot IV - 15B Street No. 4 - Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCMC</i>			TCLQ/ TV HĐTV kiêm TGĐ <i>Member of the Member Council cum CEO</i>

5.15	Công ty TNHH Thanh An An <i>Thanh An An Company Limited</i>			0312036636	05/11/2022	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Tầng 17, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM <i>17th Floor, VinCom Building, No. 72 Le Thanh Ton, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/TV HĐTV <i>Member of the Member Council</i>
5.16	Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Vật Liệu Xây Dựng An Giang <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>			1600175162	20/09/1994	Sở KHĐT Tỉnh An Giang <i>An Giang D.P.I.</i>	Ấp Lò Rềng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>			TCLQ/Phó CT HĐTV <i>Vice Chairman of the Member Council</i>
5.17	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 <i>B.O.T DT 830 Co., Ltd</i>			1101834236	27/10/2016	Sở KHĐT Tỉnh Long An <i>Long An D.P.I.</i>	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An <i>32A/3, Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province.</i>			TCLQ/CT HĐTV <i>Chairman of the Members' Council</i>
5.18	CTCP TCD Plus <i>TCD Plus</i>			0317111679	07/01/2022	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>
5.19	CTCP Dược phẩm Tipharco <i>Tipharco Pharmaceutical JSC</i>			1200100557	28/02/2006	Sở KHĐT Tỉnh Tiền Giang <i>Tien Giang D.P.I.</i>	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang <i>Lot 08, 09, Tan My Chanh Industrial and Handicraft Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>
5.20	CTCP Đầu Tư và Dịch Vụ Helios			0311656651	22/03/2012	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh			TCLQ/TV HĐQT

	<i>Helios Service and Investment JSC.</i>						<i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City.</i>			<i>Member of the BOD</i>
6	Lê Thanh Tùng		TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>					40.200	0,01	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
6.01	Lê Đình Quý									Cha ruột <i>Father</i>
6.02	Cao Thị Thanh									Mẹ ruột <i>Mother</i>
6.03	Lê Tuấn Anh									Em ruột <i>Sibling</i>
6.04	Nguyễn Thị Thùy Dương									Em dâu <i>Sister-in-law</i>
6.05	CTCP BCG Energy <i>BCD Energy JSC</i>			0314445458	08/06/2017	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP. HCM <i>27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>

6.06	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA <i>AAA Insurance Corporation</i>			30GP/KDBH	28/02/2005	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Tầng 11, Tòa nhà President Place, 93 Nguyễn Du - Phường Bến Nghé - Quận 1 – TP.HCM <i>11th Floor, President Place Building, 93 Nguyen Du, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>
6.07	CTCP Dược phẩm Tipharco <i>Tipharco Pharmaceutical JSC</i>			1200100557	28/02/2006	Sở KHĐT Tỉnh Tiền Giang <i>Tien Giang D.P.I.</i>	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang <i>Lot 08, 09, Tan My Chanh Industrial and Handicraft Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province</i>			TCLQ/PCT HĐQT/ TGD <i>Vice Chairman of the BOD cum CEO.</i>
6.08	CTCP BCG Land <i>BCG Land JSC</i>			0314922132	15/03/2018	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	22A Đường số 7, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM <i>22A Street No. 7, An Phu Ward, Thu Duc City, HCM</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>
7	Bùi Quang Nam		TV độc lập HĐQT <i>Independent Member of the BOD</i>					0	0,00	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
7.01	Bùi Ngải									Bố ruột <i>Father</i>
7.02	Trần Thị Mười									Mẹ ruột <i>Mother</i>

7.03	Trần Thị Ý Oanh									Vợ <i>Spouse</i>
7.04	Bùi Trần Minh Anh									Con <i>Children</i>
7.05	Bùi Quang Anh									Con <i>Children</i>
7.06	Bùi Trần Phương Anh									Con <i>Children</i>
7.07	Bùi Thị Thủy									Chị em ruột <i>Sibling</i>
7.08	Bùi Thị Kim Hoanh									Chị em ruột <i>Sibling</i>

7.09	Bùi Quang Huy									Anh em ruột <i>Sibling</i>
7.10	CTCP BlackSoil Việt Nam <i>BlackSoil Việt Nam Corporation</i>			0311374907	29/11/2011	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	R2-5, Nam Quang 1, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh <i>R2-5, Nam Quang 1, Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>
7.11	Tập đoàn Giáo dục Nguyễn Hoàng <i>Nguyen Hoang International Group JSC</i>			0302201048	01/08/2007	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	49 Phạm Ngọc Thạch, P Võ Thị Sáu, Q3, TPHCM <i>49 Pham Ngoc Thach, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC</i>			TCLQ/Phó TGD <i>Deputy General Director</i>
7.12	Trường Quốc tế IEC Quảng Ngãi <i>International Education City Quang Ngai</i>			4300806655	03/10/2017	Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ngãi <i>Quang Ngai D.P.I.</i>	230 Trường Chinh, P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi <i>230 Truong Chinh, Nghia Lo Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province</i>			TCLQ/Chủ tịch <i>Chairman of the BOD</i>
8	Tomas Sven Jaehnig		TV độc lập HĐQT <i>Independent Member of the BOD</i>					0	0,00	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
8.01	Tomas Jaehnig			không có						Bố ruột (Đã mất) <i>Father (deceased)</i>
8.02	Rita Jaehnig			không có						Mẹ ruột <i>Mother</i>
8.03	Macel Jaehnig			không có						Con ruột <i>Children</i>

[illegible]

9.05	Dương Bảo Hân									Con <i>Children</i>
9.06	Dương Anh Tuấn									Em ruột <i>Sibling</i>
9.07	CTCP BCG Eco <i>BCG ECO JSC.</i>			0318671899	16/09/2024	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP. HCM <i>27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/ PCT HĐQT <i>Vice Chairman of the BOD</i>

B. BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

10	Nguyễn Viết Cương		Trưởng BKS <i>Head of Supervisor y Board</i>					32.000	0,009 5	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
10.01	Nguyễn Viết Đình									Bố ruột <i>Father</i>
10.02	Lê Thị Luyến									Mẹ ruột <i>Mother</i>

[illegible]

10.08	Nguyễn Thị Mai Hương									Con <i>Children</i>
10.9	Nguyễn Viết Hoà									Em ruột (đã mất) <i>Sibling (deceased)</i>
10.10	Nguyễn Thị Hường									Em ruột <i>Sibling</i>
10.11	Trần Xuân Thủ									Anh rể <i>Brother-in-law</i>
10.12	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital <i>Bamboo Capital Joint Stock Company</i>			0311315789	07/11/2011	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM <i>27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>	147.419.520	43,90	TCLQ/TV BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>
10.13	CTCP BCG Energy <i>BCG Energy JSC</i>			0314445458	08/06/2017	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	27C Quốc Hương, P Thảo Điền, TP Thủ Đức, TPHCM <i>27C Quoc Huong, Thao</i>			TCLQ/Phó BKS <i>Deputy of the</i>

							<i>Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.</i>			<i>Supervisory Board</i>
10.14	CTCP BCG Land <i>BCG Land JSC</i>			0314922132	15/03/2018	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	22A Đường số 7, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM <i>22A Street No. 7, An Phu Ward, Thu Duc City, HCM</i>			TCLQ/Phó BKS <i>Deputy of the Supervisory Board</i>
10.15	CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI <i>TRACODI Labour Export JSC</i>			0314385382	04/05/2017	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM <i>89 Cach Mang Thang 8, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>			TCLQ/Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>
10.16	CTCP Đầu tư Phát triển nhà MHD 2 <i>MHD 2 Housing Development Investment JSC</i>			0312350521	03/07/2013	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Số 14G Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh <i>14G Phan Van Tri, Ward 7, Go Vap District, HCMC</i>			TCLQ/Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>
10.17	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang <i>Gia Khang Investment Trading Service JSC.</i>			0313758024	14/04/2016	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM <i>218 Vo Van Ngan, Binh Tho Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>			TCLQ/Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>
10.18	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land <i>An Khang Land Service Trading Investment JSC.</i>			0300383441	16/04/2004	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM <i>No. 19 Street 11, Quarter 1, Linh Tay Ward, Thu Duc City, HCMC</i>			TCLQ/Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>
10.19	Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Vật Liệu Xây Dựng An Giang <i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>			1600175162	18/09/1998	Sở KHĐT An Giang <i>An Giang D.P.I.</i>	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang <i>Lo Ren Hamlet, Chau Lang Commune, Tri Ton District, An Giang Province</i>			TCLQ/TV BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>

10.20	CTCP TCD Plus <i>TCD Plus</i>			0317111679	07/01/2022	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh <i>89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, District 1, HCM City.</i>			TCLQ/Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>
11	Nguyễn Đăng Hải		TV BKS <i>Member of the Supervisor y Board</i>					0	0,00	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
11.01	Nguyễn Đăng Dân									Cha ruột <i>Father</i>
11.02	Phan Thị Sáo			không có						Mẹ ruột (đã mất) <i>Mother (deceased)</i>
11.03	Nguyễn Đăng Huy			không có						Con trai <i>Children</i>
11.04	Nguyễn Đăng Quân			không có						Con trai <i>children</i>
11.05	Nguyễn Thị Hằng									Em gái <i>Sibling</i>
11.06	CTCP Tapiotek <i>Tapiotek JSC</i>			3901277274	30/01/2019	Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh <i>Tay Ninh D.P.I.</i>	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh <i>Group 7, Area 4, Chau Thanh Town, Chau Thanh District, Tay Ninh Province.</i>			TCLQ/ TV HĐQT kiêm PTGD <i>Member of the BOD and Deputy CEO</i>
11.07	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng <i>Nguyen Hoang Invesment JSC</i>			4100377261	09/08/2000	Sở KHĐT Tỉnh Bình Định <i>Binh Dinh D.P.</i>	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định <i>Nhon Hoa Industrial Cluster, Nhon Hoa Ward, An</i>			TCLQ/ TV HĐQT <i>Member of the BOD</i>

							Nhon Town, Binh Dinh Province.			
11.08	CTCP Thành Phúc <i>Thanh Phuc JSC</i>			4400348180	21/10/2009	Sở KHĐT Tỉnh Phú Yên <i>Phu Yen D.P.I.</i>	Lô D4, D5, D9, D10 - KCN Đông Bắc Sông Cầu - Xã Xuân Hải - Thị xã Sông Cầu - Phú Yên <i>Lot D4, D5, D9, D10 - Dong Bac Song Cau Industrial Park - Xuan Hai Commune - Song Cau Town - Phu Yen Province.</i>			TCLQ/ Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board.</i>
12	Huỳnh Thị Thảo		TV BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>					74	0,000 02	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
12.01	Huỳnh Văn Tâm									Cha <i>ruột/Father</i>
12.02	Võ Thị Hoanh									Mẹ <i>ruột/Mother</i>
12.03	Vũ Đình Hoan									Chồng/ <i>Spouse</i>
12.04	Huỳnh Thị Vãn									Chị ruột/ <i>Sibling</i>

13.04	Lê Viên Hân									Con/ Children
13.05	Lê Huỳnh Ngọc Diệp									Anh trai/Sibling
13.06	Lê Huỳnh Diễm Châu									Chị Gái/Sibling
13.07	Lê Huỳnh Diễm Chi									Em gái/Sibling
13.08	Nguyễn Hoàng Thái									Anh vợ Brother-in-law
13.09	Công ty TNHH Tracodi E&C/ Tracodi E&C Company limited			0317828674	11/05/2023	Sở KHĐT TP.HCM HCMC D.P.I.	25 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức/ 25 Xuan Thuy Street, Thao Dien Ward, City. Thu Duc			TCLQ/CT HĐQT kiêm TGĐ Chairman of the Members' Council cum CEO

13.10	CTCP Kinh doanh dịch vụ Bất động sản Thăng Long/ <i>Thang Long Property Service Business JSC.</i>			0309954516	24/08/2010	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	L17-11, Tầng 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP HCM / <i>L17-11, 17th Floor, Vincom Center Building, 72 Le Thanh Ton Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City</i>			TCLQ/TV HĐQT <i>Member of BOD</i>
14	Nguyễn Thị Kim Yến		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					0	0	Người nội bộ
14.01	Nguyễn Anh Đức									Chồng/ <i>Spouse</i>
14.02	Nguyễn Văn Bảo Huy									Con/ <i>Children</i>
14.03	Nguyễn Ngọc Gia Nhi									Con/ <i>Children</i>
14.04	Nguyễn Ngọc Gia Nhi									Con/ <i>Children</i>
14.05	Nguyễn Văn Thuận									Bố chồng/ <i>Father-in-law</i>

14.06	Phạm Thị Hà									Mẹ chồng/ <i>Mother-in-law</i>
14.07	Nguyễn Văn Hạnh									Em chồng/ <i>Brother-in-law</i>
14.08	Lê Thị Ngọc Loan									Em dâu/ <i>Sister-in-law</i>
14.09	Lê Thị Bùi									Mẹ ruột/ <i>Mother</i>
14.10	Nguyễn Trọng Dũng									Em ruột/ <i>Sibling</i>
14.11	Công ty Taxi Việt Nam <i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>			0301465425	24/10/2008	Sở KHĐT TP.HCM <i>HCMC D.P.I.</i>	Lô IV - 15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM <i>Lot IV - 15B Street No. 4 - Tan Binh Industrial Park,</i>			TCLQ/KTT/ <i>Chief Accountant</i>

							Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCM City.			
15	Nguyễn Văn Bắc		Phó TGĐ/ Giám đốc tài chính <i>Deputy Director/ CFO</i>	Đã liệt kê ở mục A.4 <i>Listed in section A.4</i>						Người nội bộ <i>Internal persons</i>
D. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ THE PERSON IN CHARGE OF CORPORATE GOVERNANCE AND RELATED PARTIES										
16	Lê Nguyễn Phương Thảo		Người phụ trách Quản trị công ty/ <i>The person in charge of CG</i>					0	0	Người nội bộ <i>Internal persons</i>
16.01	Lê Thanh Hải									Bố ruột/ <i>Father</i>
16.02	Nguyễn Thị Phương Thủy									Mẹ ruột/ <i>Mother</i>
16.03	Lê Nguyễn Bảo Duy									Anh ruột/ <i>Brother</i>

